

TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ



# XÉT XỬ HÌNH SỰ TẠI HOA KỲ

THÁNG 7, 2001

TẬP 6, SỐ 1

-

## XÉT XỬ HÌNH SỰ TẠI HOA KỲ

### Đôi lời của Ban biên tập

Tạp chí điện tử lần này tập trung vào vấn đề xét xử hình sự ở Hoa Kỳ. Một vấn đề xuyên suốt trong tất cả các bài viết của chúng tôi là luôn có một sức ép giữa một bên là sự cần thiết phải xử lý nhanh chóng, hiệu quả để khởi tố xét xử tội phạm và một bên là đảm bảo tính công bằng để bảo vệ quyền của mọi công dân. Trong chế độ Hoa Kỳ, cơ sở để khẳng định sự vô tội là quan trọng nhất. Không bị can nào bị coi là có tội cho đến khi các chứng cứ về sự phạm tội đã được làm sáng tỏ hoàn toàn - đây chính là yêu cầu trong tất cả quá trình xét xử tội phạm tại Hoa Kỳ.

Theo các tài liệu của giáo sư James B. Jacobs trong bài mở đầu của chúng tôi, hệ thống luật hình sự của quốc gia đã được mở rộng một cách đáng kể từ khi thành lập nền Cộng hoà. Jacob, Warren E. Burger giáo sư luật tại đại học tổng hợp New York và là giám đốc Trung tâm Nghiên cứu về Tội phạm và Xét xử của trường đã giải thích về ranh giới trong quá trình tố tụng hình sự và các quy lệ tuyên án và kháng cáo trong mối quan hệ giữa bang và

liên bang. Quan trọng nhất là ông cũng đưa ra các tài liệu về mức độ mở rộng các quyền của người dân Mỹ theo sự điều chỉnh của hệ thống xét xử hình sự trong những năm qua, đặc biệt là trong thế kỷ 20.

Hệ thống xét xử hình sự Hoa Kỳ hiện nay đã đạt đến mức độ công bằng và vô tư hơn so với thời gian trước đây, đặc biệt là trong các vụ việc về trẻ vị thành niên và phụ nữ. Trong quá trình xét xử điều này rất quan trọng. Tuy nhiên theo chứng minh của Tom Tyler, giáo sư về tâm lý học tại Trường Đại học Tổng hợp New York, sự thật là nhận thức của người dân Mỹ về hệ thống này mới chỉ ở mức độ là nó có quy mô lớn và không thiên vị, và trong sự hòa hợp với những giá trị của riêng họ, giúp đỡ để tự giác tuân theo những quy định của pháp luật. Tyler cho rằng những vấn đề này giống việc thúc đẩy các cá nhân trong hành vi của mình xử sự theo đúng nguyên tắc do luật định để bù đắp sự kém hiệu quả của công cụ ngăn chặn.



*Bốn chàng trai Scottsboro và luật sư Samuel Leibowitz năm 1937. Vụ án này đặt ra hai tiền lệ trong quyết định của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đó là nâng cao quyền cơ bản cho mọi công dân Mỹ*

Đặc biệt trong những thập kỷ gần đây, nhiều bang đã tiến hành thử nghiệm việc đổi mới xây dựng pháp luật để tăng cường hơn nữa năng lực và hiệu quả của hệ thống xét xử tư pháp. Một trong những đổi mới là sự nổi lên của "hội đồng thẩm phán" - nhiều cách thức hòa giải khác nhau giữa kẻ phạm tội và nạn nhân. Theo Dennis Maloney, chủ tịch hội đồng thẩm phán, một chính phủ địa phương tại quận Deschutes, Oregon phải tổ chức làm sao để có sự cộng tác và phòng ngừa tội phạm, hệ thống đó được mô tả như đang tồn tại trong một quyền tài phán tại bang Western.

Ở mức độ nghiên cứu cho tạp chí của chúng tôi, biên tập David Pitts bổ sung bằng việc đưa ra câu chuyện của các chàng trai Scottsboro, hồ sơ về một vụ việc tiêu biểu xảy ra cách đây 70

năm. Vụ này rất quan trọng về lịch sử đảm bảo quyền công dân. Nó cũng rất có ý nghĩa trong lịch sử luật học của người Mỹ bởi vì nó đã đặt ra hai tiền lệ trong quyết định của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đó là nâng cao quyền cơ bản cho mọi công dân Mỹ. Các chàng trai Scottsboro kiện bang Alabama là minh họa rất ấn tượng về các quyền trong chế độ Hoa Kỳ có thể được mở rộng không chỉ ở mức là kết quả của sự thay đổi trong luật hình sự Hoa Kỳ mà còn bởi sự cân nhắc của tòa án và giám sát sự hợp hiến của các văn bản pháp luật.

Tạp chí đưa ra những kết luận đa dạng bằng việc trích dẫn những nguồn tham khảo như sách, các bài báo và các địa chỉ trên Internet làm cho người đọc hiểu được một cách rõ ràng và thấu đáo về việc xét xử hình sự tại Hoa Kỳ.

*Toàn văn bằng tiếng Anh: <http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0701/ijde/intro.htm>*

## Mục lục

# *các vấn đề Dân chủ*

6

### QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LUẬT HÌNH SỰ HOA KỲ

John B. Jacobs, Warren E. Burger, Giáo sư luật tại ĐHTH New York và Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu về tội phạm và luật pháp tại trường Luật, ĐHTH New York, bàn về hệ thống luật hình sự của quốc gia

17

### XÉT XỬ TỘI PHẠM TRẺ VỊ THÀNH NIÊN Ở HOA KỲ

19

### VIỆC TUÂN THỦ LUẬT PHÁP Ở HOA KỲ:

#### THỦ TỤC TỔ TỤNG VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG

Tom Tyler, giáo sư tâm lý học tại ĐHTH New York, phân tích nhận thức và thái độ của công dân Mỹ đối với hệ thống xét xử hình sự và cách nhìn của họ về hành vi tôn trọng pháp luật

25

### SỰ CẦN THIẾT CỦA TƯ PHÁP CỘNG ĐỒNG

Dennis Maloney, Giám đốc của Tư pháp cộng đồng, một tổ chức thuộc chính quyền địa phương có mối quan hệ làm việc chặt chẽ với các tổ chức phi chính phủ ở hạt Deschutes, Oregon, giới thiệu về hệ thống "tư pháp cộng đồng", dùng sự hòa giải như công cụ để dàn xếp giữa tội phạm và nạn nhân

31

### NGHỊ QUYẾT SỐ 96-122

32

### NHỮNG CHÀNG TRAI SCOTTSBORO VÀ CÁC QUYỀN CƠ BẢN

Cộng tác viên David Pitts nghiên cứu câu chuyện về các chàng trai ở Scottsboro, một vụ án dân quyền xảy ra 70 năm về trước. Vụ kiện này đã dẫn tới hai quyết định quan trọng của Tòa án Tối cao về mở rộng các quyền cơ bản cho mọi công dân Hoa Kỳ

37

## THỰC TẾ CỦA VỤ ÁN VÀ THỊ TRẤN SCOTTSBORO NGÀY NAY

39

## SÁCH VÀ TƯ LIỆU THAM KHẢO Sách và báo về xét xử hình sự tại Hoa Kỳ

42

## NGUỒN TƯ LIỆU TRÊN INTERNET

Các trang web bàn về chủ đề xét xử hình sự tại Hoa Kỳ. Những ý kiến được nêu ra ở các trang web này không nhất thiết phản ánh quan điểm của chính phủ Hoa Kỳ

---

TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ  
CÁC VẤN ĐỀ DÂN CHỦ  
XÉT XỬ HÌNH SỰ TẠI HOA KỲ  
THÁNG 7, 2001

PUBLISHER Judith Siegel  
MANAGING EDITOR Anthony W. Sariti  
CONSULTING EDITOR Wayne Hall  
INTERNET/TEXT EDITOR Deborah M.S. Brown

CONTRIBUTING EDITORS Estelle Baird  
Mona Esquetini  
Stuart Gorin  
Charla Hatton  
John Jasik  
David Pitts  
REFERENCE SPECIALISTS Anita Green  
Andrea McGlinchey  
ART DIRECTOR Diane Woolverton  
GRAPHICS ASSISTANT Sylvia Scott

EDITORIAL BOARD Howard Cincotta  
Judith Siegel  
Leonardo Williams

Báo điện tử của văn phòng Thông tin Quốc tế thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ nghiên cứu những vấn đề cốt lõi mà hiện nay nước Mỹ và cộng đồng Quốc tế đang phải đối mặt.

Tờ báo này gồm năm chủ đề (Viễn cảnh kinh tế, Những vấn đề toàn cầu, Những vấn đề về dân chủ, Lịch trình chính sách đối ngoại Mỹ, Xã hội và Giá trị Mỹ), cung cấp các thông tin phân tích bình luận và cơ bản về các lĩnh vực chủ đề. Tất cả các báo này đều được xuất bản bằng tiếng Anh Pháp và tiếng Bồ Đào Nha nhưng số chọn lọc còn được xuất bản bằng tiếng A-rập Nga và Tây Ban Nha. Các số bằng tiếng Anh được xuất bản từ 3 đến 6 tuần một lần. Các số dịch sang tiếng khác thường ra sau từ 2 đến 4 tuần. Thứ tự thời gian xuất bản các báo không thống nhất, có báo xuất bản nhiều kỳ có báo xuất bản ít kỳ.

Tất cả các số đều được xuất bản bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Tây Ban Nha và những số chọn lọc còn được xuất bản bằng tiếng A-rập và tiếng Nga. Những số bằng tiếng Anh xuất bản cách nhau khoảng một tháng. Các số dịch sang tiếng khác xuất bản sau số tiếng Anh từ 2 đến 4 tuần.

Các ý kiến nêu trên các tờ báo không nhất thiết phản ánh quan điểm hoặc chính sách của chính phủ Mỹ. Bộ Ngoại giao Mỹ không chịu trách nhiệm về nội dung và khả năng truy cập thường xuyên đến các Websites kết nối với các báo, trách nhiệm đó hoàn toàn thuộc về các nhà quản trị các Websites này. Các bài báo có thể được dịch và đăng lại ở nước ngoài trừ các bài có yêu cầu xin phép bản quyền.

Các số báo hiện hành hoặc số cũ có thể tìm thấy trên trang chủ của Phòng các Chương trình thông tin quốc tế trên mạng World Wide Web theo địa chỉ: <http://usinfo.state.gov/journals.htm>. Các bài báo được lưu dưới nhiều dạng khác nhau để tiện xem trực tuyến truyền tải xuống và in ra. Các ý kiến đóng góp xin gửi đến Đại sứ quán Mỹ (Phòng Ngoại giao nhân dân) hoặc gửi đến to soạn địa chỉ: Editor, *Issues of Democracy*, Democracy and Human Rights - IIP/T/DHR, U.S. Department of State, 301 4th Street, S.W., Washington, D.C. 20547, United States of America.

email: [ejdemos@pd.state.gov](mailto:ejdemos@pd.state.gov)

## QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LUẬT HÌNH SỰ Ở HOA KỲ

*James B. Jacobs*



James B. Jacobs

*Trong cuốn sách cơ sở về hệ thống pháp luật hình sự Hoa Kỳ, giáo sư James B. Jacobs, Warren E. Burger trường Đại học tổng hợp New York và là Giám đốc Trung tâm nghiên cứu tội phạm và xét xử tại Khoa Luật ĐH Tổng hợp New York, đã giải thích cấu trúc và cơ sở căn bản của luật học về thủ tục tố tụng hình sự Hoa Kỳ. Nhưng thuộc tính tự nhiên của nó, theo ông, lấy nền tảng từ Hiến pháp Hoa Kỳ và tuyên ngôn nhân quyền. Theo Hiến pháp đó là hệ thống cấu trúc liên bang và đó là việc đối xử như là quyền cơ bản trong những gì chấp nhận được.*

Cơ sở để xây dựng thủ tục tố tụng hình sự Hoa Kỳ là Hiến pháp Hoa Kỳ, bao gồm 10 điều bổ sung và dựa trên bản Tuyên ngôn nhân quyền. Hiến pháp đảm bảo cho tất cả mọi cá nhân đang sinh sống tại Hoa Kỳ quyền tự do và những quyền cơ bản. Với tinh thần chủ đạo đó, trong giới hạn của Luật Hình sự Hoa Kỳ, các bị can được coi là không có tội. Các bị can không phải chứng minh sự vô tội của mình. Nhà nước phải chứng minh được họ thực sự có tội. Các quyền giống như những cơ cấu về hệ thống liên bang đã được quy định trong Hiến pháp. Những điểm quan trọng là điều bổ sung thứ 5, thứ 6 và thứ 8.

Điều bổ sung thứ 9 bảo đảm cho các bị can khỏi việc bị truy tố hai lần về cùng tội danh

(không phải chịu thêm trách nhiệm về cùng một tội danh) và không phải phải tự buộc tội bản thân trong các vụ phạm tội. Điều đặc biệt quan trọng cũng chính là để bảo vệ quyền "tố tụng" của các bị can, một phần rất quan trọng trong Tuyên ngôn Nhân quyền, đặc biệt trong thế kỷ 20, đã được tòa án làm rõ nhằm ban cho bị can các quyền và được một bồi thẩm đoàn bảo vệ.

Điều bổ sung thứ 6 bảo đảm cho các bị can một "phiên tòa xét xử nhanh chóng và công khai bởi một bồi thẩm đoàn công bằng của bang và quận tại nơi tội phạm đã xảy ra". Điều này cũng bao gồm việc các bị can có quyền được đối diện (và đối chứng) với các nhân chứng chống lại họ và có "luật sư tư vấn" cho

những lời biện hộ của họ. Biện pháp bảo vệ sau đã được mở rộng trong những năm qua với mục đích bảo đảm cho tất cả các bị can đều có luật sư bào chữa trong các phiên tòa hình sự. Điều bổ sung thứ 8 quy định "bảo lãnh đặc biệt" đối với các bị can và ngăn chặn "các hình phạt khác thường và tàn bạo". Biện pháp ngăn chặn sau đã được tòa án giải thích là nhằm giới hạn các loại hình phạt có thể gây chấn thương về thể xác. Trong năm 1972, đạo luật tử hình đã được 38 bang bãi bỏ dựa trên cơ sở điều khoản của Hiến pháp. Một số đã được sửa để thông qua tại phiên họp hiến pháp. Hiện tại, 38 bang vẫn có hình phạt tử hình. Nhưng cơ quan trong hệ thống pháp luật Hoa Kỳ có thể đưa ra quyết định quy định như vậy là hợp hiến hay không là Tòa án Tối cao, không phải Luật hình sự Hoa Kỳ hay bất cứ luật nào. Ngay cả Hạ viện Hoa Kỳ cũng không thể thông qua luật trái với Hiến pháp.

Tất cả các bang và chính quyền liên bang đều có "luật hình sự độc lập" của mình (chỉ rõ các tội phạm và các chế tài) và "tổ tụng hình sự" (chỉ rõ các giai đoạn từ khi bị bắt đến khởi tố, truy tố, kết án, tuyên án và phóng thích khỏi nhà tù). Cơ quan lập pháp mỗi bang đều ban hành luật hình sự của bang và tiến hành hình phạt tại các nhà tù của bang hay nhà giam địa phương. Hạ viện ban hành Luật hình sự liên bang quy định về hiệu lực, thủ tục, xét xử và hình phạt được thực hiện thông qua các cơ quan thi hành luật liên bang, các ủy viên công tố, các tòa án, nhà tù và chế độ án treo và hệ thống tha có điều kiện.

## Hệ thống liên bang

Có hơn 20 luật được các cơ quan hành pháp liên bang thiết kế cho một mục đích riêng, đa số trong đó là của Bộ Tư pháp và Tài chính. Nổi trội trong những cơ quan hành pháp của liên bang là Cục Điều tra Liên bang và Cơ quan Phòng chống Ma túy của chính phủ (nằm trong Bộ Tư pháp) và Cục Quản lý Đồ uống có cồn, Thuốc lá và Súng; Cục Bảo mật và Cục Hải quan (nằm trong Bộ Tài chính). Các cơ quan này có trụ sở chính tại Washington D.C và nhiều văn phòng chi nhánh trên khắp nước Mỹ và trong một số trường hợp có cả văn phòng ở nước ngoài.

Các ủy viên công tố liên bang, thường được gọi là "những viên chưởng lý của Hoa Kỳ" được Tổng thống chỉ định trong số 94 quan tòa khu vực ở Hoa Kỳ. Họ chỉ khởi tố những tội phạm của liên bang trong những phiên tòa liên bang. Với sự chỉ định của Tổng thống, những viên chưởng lý của Hoa Kỳ có quyền độc lập rất lớn nhưng họ có trách nhiệm phải giải trình với Tổng Chưởng lý của Hoa Kỳ, người lãnh đạo Bộ Tư pháp và người là một thành viên trong nội các của Tổng thống.

Bộ Tư pháp ở Washington, D.C. quy định về phân loại tội phạm, hỗ trợ, giám định và một số chỉ đạo hướng dẫn và giám sát tới những viên chưởng lý của Hoa Kỳ. Bộ Tư pháp cũng bao gồm cả những đơn vị công tố viên đặc biệt với quyền lực trên toàn liên bang trong một số vấn đề như tội phạm có tổ chức, tội phạm chiến tranh, lừa đảo và buôn ma túy quốc tế;

những đơn vị này thường xuyên làm việc trong sự hợp tác với những viên chức lý của Hoa Kỳ.

Các bị cáo liên bang bị tổng giam trong những nhà tù thuộc sự quản lý của Cục Nhà tù liên bang, một cơ quan thuộc Bộ Tư pháp. Những nhà tù này nằm rải rác trên khắp nước Mỹ; một bị cáo đã bị kết án tại một phiên tòa của liên bang có thể bị tổng giam ở bất kỳ nhà tù nào của liên bang. Tuy nhiên, không đến 10% tù nhân của Hoa Kỳ bị giam giữ trong các nhà tù của liên bang.

### **Xét xử tội phạm ở các bang và các cấp địa phương**

Đa số các hoạt động xét xử tội phạm được thực hiện dưới sự quản lý của bang và chính quyền địa phương. Việc bắt buộc tuân theo pháp luật tại các cấp của bang thường được phân quyền tới các quận, các thành phố và các thị trấn. Cảnh sát bang thực thi quyền lực của mình trên các đường cao tốc chính của bang và những vùng nông thôn đơn lẻ. Họ thường xuyên có những nhiệm vụ đã được xác định khác, bao gồm theo dõi thường xuyên về các hoạt động tội phạm. Tổng chức lý các bang, không giống như tổng chức lý Hoa Kỳ, thường không có hoặc có rất ít quyền công tố, mặc dù họ có thể chịu trách nhiệm xem xét việc kháng cáo của tội phạm và những đơn buộc tội. Khởi tố là một chức năng của quận. Phần lớn các công tố viên, còn được gọi là chức lý cấp quận (DAs), được bầu ra.

Mỗi quận đều có nhà giam để giam giữ các bị can đang đợi xét xử cũng như các bị cáo đã bị kết án về những tội không nghiêm trọng được gọi là "tội nhẹ" (chịu những hình phạt tù có thời hạn nhiều nhất là một năm hoặc ít hơn). Những khu vực thực hiện án treo thường cũng được tổ chức thực hiện tại cấp quận. Có khoảng hơn 20.000 sở cảnh sát độc lập thuộc các chính quyền địa phương. Phần lớn các sở đó phục vụ cho những thị trấn nhỏ và có khoảng chưa đầy 20 nhân viên. Ngược lại, sở cảnh sát ở thành phố lớn thì rất đông. Ví dụ, lớn nhất là Sở Cảnh sát thành phố New York, có khoảng 38.000 nhân viên. Các bị cáo đã bị tòa án bang buộc vào tội nghiêm trọng và đã tuyên án với hình phạt bỏ tù bị tổng giam tại hệ thống nhà tù của bang, thường còn được gọi là "khu của những sự trừng phạt".

### **Luật hình sự riêng của bang**

Mặc dù bắt nguồn từ hệ thống thông luật Anh, luật hình sự Mỹ riêng của bang được luật pháp quy định. Không có thông luật tội phạm ở Hoa Kỳ. Nói cách khác, luật hình sự đã được quyết định bởi cơ quan lập pháp bang (đối với từng bang) và bởi Hạ viện (đối với liên bang). Phần lớn các bang, nhưng không phải chính phủ liên bang, có một "bộ luật" hình sự đầy đủ đặt và định ra quyền hạn dựa trên nguyên tắc chung về trách nhiệm hình sự, các luật quy định rõ về những hành vi phạm tội cụ thể, và các luật quy định rõ về bào chữa và biện hộ.

Hai phần ba các bang đã thông qua toàn bộ hay một phần Bộ luật Chế tài Hình sự Hiện

đại (MPC), nó đã được Học viện Pháp luật soạn thảo vào những năm 50 và 60, với điểm nổi bật là quy định đổi mới về tổ chức. MPC có ảnh hưởng rất lớn trong hoạt động xây dựng luật hình sự. Một trong những nguyên tắc có nguồn gốc sâu xa trong luật hình sự Mỹ đó là có thể không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu không có tội hay không đáng bị xử phạt. Theo quy định của MPC, sự có tội đôi khi sẽ được chuyển đến xem xét tính *chủ quan* hay "trạng thái tâm lý" khi có chứng cứ để khẳng định có một trong những yếu tố liên quan đến như cố ý, hiểu biết, thiếu thận trọng hay cầu thả, tất cả những yếu tố đó được định nghĩa một cách chi tiết trong bộ luật. Ngoài những vụ việc nhỏ và một số tội phạm thông thường, MPC yêu cầu cần phải có một lý thuyết về việc có tội cho mọi yếu tố của một vụ án (việc chỉ đạo, những chi tiết kèm theo và kết quả).

Bộ luật hình sự đặt ra những quy định áp dụng đối với những loại tội phạm: xâm hại đến thân thể một cá nhân (ví dụ như giết người hay hiếp dâm); xâm hại đến tài sản (như trộm cắp, phá hoại); xâm hại đến trật tự công cộng (như làm mất trật tự công cộng, tập trung gây rối); xâm hại đến gia đình (như tội song hôn và loạn luân); và xâm hại đến quản lý hành chính (như đút lót, hối lộ, tội khai man trước tòa).

## **Phạm vi áp dụng của Luật hình sự liên bang**

Những tội phạm nào thuộc phạm vi áp dụng

của luật liên bang và những tội phạm nào thuộc phạm vi áp dụng luật bang? Không có câu trả lời chính xác cho câu hỏi này. Quả thực, kiểm soát tội phạm không thể sắp xếp rành rọt vào hai cái đơn vị này. Khi một hành vi đơn lẻ hay một chuỗi những hoạt động tội ác đều nằm trong phạm vi điều chỉnh của luật hình sự bang và liên bang, và cả hai cấp này đều có thể khởi tố, theo thuyết "song quyền", điều khoản chống nguy cơ có hai quy định trùng lặp (như vậy một bị can sẽ không bị truy tố hai lần về cùng một tội danh), không được áp dụng đối với những trường hợp do các cơ quan độc lập khởi tố.

Theo lý thuyết, quyền lực của Quốc hội bị giới hạn và được liệt kê rõ ràng tại chương đầu tiên của Hiến pháp. Những tội như làm tiền giả, nhập cư bất hợp pháp, tội phản quốc, và vi hiến và vi phạm các quyền quy định trong luật liên bang chắc chắn sẽ thuộc phạm vi quyền xét xử của liên bang. Nhưng, lợi dụng các điều khoản liên quan và sự mềm dẻo trong điều khoản, Hạ viện đã thông qua các luật về hình sự áp dụng cho những tội danh về buôn bán ma túy, các loại súng cầm tay, bắt cóc, gian lận, trộm cắp ô tô, lừa đảo, và những tội danh tương tự để mở rộng quyền lực của mình.

Tòa án Tối cao rất ít khi thấy rằng Hạ viện không có thẩm quyền để thông qua một luật liên bang về hình sự. Một phần của nguyên nhân này là việc mở rộng và phát triển không ngừng của luật hình sự trong thế kỷ 20. Ngày nay, luật hình sự của liên bang có thể được sử dụng để khởi tố những vụ việc phạm pháp mà

trước đây thuộc thẩm quyền trách nhiệm của bang. Cục Điều tra Liên bang (FBI) và một số cơ quan hành pháp liên bang, chẳng khác gì các ủy viên công tố, có thể điều tra và truy tố những phần nhỏ của tất cả các tội phạm có khả năng rơi vào trong phạm vi thẩm quyền của họ.

## **Thủ tục tố tụng hình sự**

Mỗi bang và chính quyền liên bang có những quy định riêng của mình về thủ tục tố tụng. Những quy định về thủ tục tố tụng của liên bang được xây dựng bởi các ủy ban tư vấn pháp lý và được Tòa án tối cao công bố, ban hành; quyền sửa đổi bổ sung thuộc Hạ viện. Các quy định về thủ tục tố tụng của bang do các cơ quan lập pháp của bang xây dựng.

Trong số 23 quyền độc lập được ghi nhận trong điều bổ sung thứ 8 của Hiến pháp, có 12 điều liên quan tới thủ tục tố tụng hình sự. Trước chiến tranh thế giới thứ 2, trên thực tế các quyền này đã được sáp nhập vào điều bổ sung thứ 14 là quyền được hưởng điều khoản thi hành và áp dụng, cũng như đối với việc tuân theo các quy định của luật bang. Hiến pháp liên bang đã đặt ra một mức sàn, không có mức trần, trong các quyền của công dân đối với cảnh sát, các ủy viên công tố, tòa án và nhân viên quản giáo. Các bang có thể quy định thêm các quyền cho các bị can. Ví dụ, những bang như New York, về căn bản bảo vệ nhiều hơn các quyền của các bị can và bị cáo hơn là Tòa án Tối cao Hoa Kỳ.

Theo ngôn ngữ pháp lý của Mỹ, thủ tục tố tụng hình sự thường viện vào các quy định của Hiến pháp, các quy định của luật và của chính quyền về hoạt động điều tra của cảnh sát - các hoạt động điều tra các cá nhân, về nơi ở và những vật thuộc quyền sở hữu và sự thẩm vấn - cũng như thủ tục các bước tiến hành tội phạm. Tất cả các điều bổ sung thứ 4 và thứ 5 bảo vệ toàn bộ công dân, không chỉ những kẻ tội phạm và bị can trước toàn bộ những hoạt động điều tra của cảnh sát.

## **Quyền có luật sư**

Quyền có luật sư bắt đầu được thực hiện khi những người bị tình nghi đã trở thành bị cáo, có nghĩa là bắt đầu các thủ tục xét xử. Nếu bị can không có tiền thuê luật sư, quan tòa sẽ chỉ định cho họ một luật sư bảo vệ khi tiến hành phiên tòa đầu tiên. Một phán quyết của tòa án tối cao Hoa Kỳ - Gideon kiện Wainwright (1963) - đã quyết định chính phủ phải chỉ định luật sư bảo vệ cho những bị cáo nghèo khổ phạm trọng tội. Những vụ sau đó đã mở rộng thành quy định áp dụng đối với tất cả các vụ mà bị can có thể bị bỏ tù hoặc tống giam.

## **Bảo lãnh và tạm giam điều tra**

Nếu như bị cáo từ chối nhận tội, quan tòa trong quá trình tạm giam chờ xét xử phải quyết định thả và, nếu không, có hay không được bảo lãnh hay những điều kiện khác bắt buộc phải gánh chịu. Về phương diện lịch sử, mặc dù trong mối quan hệ vô hình giữa bảo

lãnh và đảm bảo chỉ xuất hiện tại phiên tòa xét xử, các quan tòa đặt mức bảo lãnh cao hay thấp đối với từng cá nhân bị bắt giữ tùy theo mức độ nghiêm trọng, bởi vì họ đã dính líu tới sự an toàn chung, nghĩa là bị can có thể có thể gây ra tội phạm khác nếu thả ra. Quy định của liên bang cho phép tạm giam mà không được bảo lãnh trong một số tình huống mà tòa án thấy rằng bị can có thể gây ra những sự đe dọa nghiêm trọng, là mối nguy hiểm trong tương lai đối với cộng đồng và rằng không có căn cứ chắc chắn đảm bảo sự an toàn cho cộng đồng nếu bị can được tại ngoại.

## Thủ tục kết tội và Bồi thẩm đoàn

Các công tố viên Mỹ có thẩm quyền rộng trong việc định tội, cũng như tội danh và những tội danh áp dụng đối với người bị bắt. Tuy nhiên, đa số các công tố viên không đưa ra các tội danh chống lại đa số những người bị bắt giữ tại một thời điểm sớm hơn trước đó bởi vì:

- Tư cách của người bị bắt không cấu thành nên tội phạm;
- Nếu như có một tội phạm xảy ra, điều đó không có giá trị để khởi tố;
- Nếu như có một tội phạm xảy ra, điều đó không chứng minh chống lại cá nhân này tại thời điểm đó;
- Nếu như có một tội phạm xảy ra, công tố viên tin rằng điều đó sẽ ảnh hưởng tới tính chính xác của quá trình điều tra hoặc đó mới chỉ là những phỏng đoán chủ quan.

Cho đến khi phiên tòa được mở, công tố viên có thể cố ý gạt bỏ những tội danh chống lại bị cáo mà không có thành kiến và như vậy có thể đưa ra những tội danh như thế tại ngày hôm sau. Điều khoản bổ sung thứ 6 quy định rằng không có việc khởi tố tội phạm trừ khi có đầy đủ chứng cứ để truy tố. Tuy nhiên, Tòa án Tối cao lưu ý rằng đây là một trong ít quyền cũng đã được ghi trong bản Tuyên ngôn nhân quyền rằng không có sự ràng buộc giữa các bang. Theo đó, mỗi bang có thể tự mình quyết định có hay không sử dụng một bồi thẩm đoàn để tham gia xét xử.

Phải buộc tội bị cáo và nêu được tội danh chính thức trong thời gian ngắn sau đó. Tại phiên luận tội, quan tòa đọc tội danh chính thức với chi tiết cụ thể liên quan tới mỗi tội danh, hỏi xem bị cáo có nhận tội hay không nhận tội hoặc không nhận tội vì lý do tâm thần. Đa số các bang cũng cho phép nói lời yêu cầu cuối cùng (không tranh cãi), nó có ý nghĩa nhất định về mặt thực tiễn, tương tự như một sự biện hộ về tội lỗi. Một lời biện hộ không có tội có thể sau đó thay đổi thành lời nhận tội. Chỉ có một số ít trường hợp có thể rút lui một lời nhận tội.

## Bản kiến nghị tiền xét xử

Những quy định về thủ tục tố tụng hình sự quy định rằng bị can và luật sư của anh ta hay cô ta có một khoảng thời gian nhất định để làm bản kiến nghị tiền xét xử về việc không thừa nhận tính hợp pháp của bản cáo trạng hay thông tin, hay tìm kiếm việc giấu giếm

chứng cứ. Thêm vào đó, trong giới hạn nhất định bị can có thể đề nghị được cung cấp một số chứng cứ nào đó mà công tố viên nắm giữ. Theo quy định của đa số các bang, việc bảo vệ, nếu có yêu cầu, có quyền được sao chép những biên bản ghi lời khai của bị can, những bản sao về giám định và một danh sách những nhân chứng của bên nguyên. Trong một số những quyền xét xử bị can phải thông báo trước cho bên nguyên về ý định dựa vào những lời biện hộ như một chứng cứ ngoại phạm hay tình trạng mất trí.

## **Tranh luận bào chữa**

Thực tiễn ở Hoa Kỳ "tranh luận bào chữa" thường bị hiểu sai. Thực tiễn có thể chính xác hơn qua việc xem xét nó như là một hệ thống bào chữa "giảm" tội. Hơn 90% những lời kết án là kết quả của sự biện hộ có tội. Đối với đa số các bị cáo nhận tội, không có sự "mặc cả". Dĩ nhiên, bị cáo sẽ được cơ quan khởi tố bỏ qua một số lời buộc tội để đổi lại việc bị cáo nhanh chóng nhận tội (việc bị cáo sớm nhận tội sẽ được coi là một tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo).

## **Quyền được xét xử**

Bị can có quyền được xét xử bởi một phiên tòa công khai. Vì thế, các phòng xử án của Hoa Kỳ thường mở cửa để dân chúng có thể vào tham dự, kể cả các phóng viên. Quả thực, Tòa án Tối cao đã quyết định rằng các bị can không được từ bỏ quyền này bởi đây cũng là quyền của toàn thể công dân; cũng như một quan tòa

không thể cấm giới báo chí viết bài về những phiên tòa xét xử hình sự. Những người ủng hộ lấy lý do rằng thông tin mà truyền hình đưa ra có ý nghĩa giáo dục pháp luật đối với số đông công chúng chưa bao giờ được tham dự một phiên tòa xét xử hình sự. Những người phản đối thì viện lý do rằng các máy quay truyền hình trong phòng xử án làm ảnh hưởng đến sự tập trung của các luật sư, quan tòa và các thành viên trong bồi thẩm đoàn, và làm xáo động không khí trang nghiêm của phòng xử án. Trong phòng xử án của liên bang không được phép mang máy quay vào.

Theo quy định tại điều khoản bổ sung thứ 6, các bị can hình sự có một quyền được quy định trong hiến pháp đó là được mau chóng xét xử. Nhưng quy định về hạn định, không phải quyền được nhanh chóng xét xử, điều chỉnh việc trì hoãn giữa việc phân công xét xử tới lúc định tội danh. Hiến pháp bắt buộc rằng không có sự trì hoãn quá mức từ khi truy tố đến khi xét xử. Tuy nhiên về mặt lý thuyết, Tòa án Tối cao không bao giờ định rõ thời gian của giai đoạn này, điều đó, nếu vượt quá, đã vi phạm quyền này. Mọi vụ án bắt buộc phải ước định đối với từng cá nhân. Tất cả các bang có quy định về xét xử nhanh chóng quy định bắt buộc trong một khoảng thời gian nhất định việc cơ quan khởi tố và các quan tòa phải đưa bị can ra xét xử tại một phiên tòa.

Điều khoản bổ sung thứ 6 cũng bảo đảm cho các bị can quyền xét xử tại một phiên tòa có sự tham gia của bồi thẩm đoàn. Tuy nhiên, cũng giống như các quyền khác, quyền về bồi thẩm

đoàn cũng không thể được khước từ. Bị can có thể lựa chọn một tòa án xét xử trước một quan tòa độc lập hay nhận là có tội. Thông thường, các bị can có cơ hội được tha nhiều hơn khi được bồi thẩm đoàn xét xử. Một phần tư tới một phần ba các phán xét của bồi thẩm đoàn là tha bổng. Nhưng một số bị can lại thích một quan tòa hơn là một bồi thẩm đoàn, bởi vì họ tin rằng một quan tòa sẽ dễ dàng phát hiện hơn những kẽ hở trong lời buộc tội của bên nguyên; tuyên án của quan tòa sẽ khoan dung hơn trong khi một "tòa án" xét xử; hoặc là những yếu tố khách quan nêu ra trong vụ án sẽ kích động bồi thẩm đoàn chống lại bị cáo.

Mặc dù không có yêu cầu của hiến pháp, trong hệ thống liên bang và trên thực tiễn của tất cả các bang, bồi thẩm đoàn phải có được một phán quyết thống nhất. Một bồi thẩm đoàn không thể không thống nhất còn được gọi là "bồi thẩm đoàn bị mắc". Trong trường hợp bồi thẩm đoàn bị mắc, đương nhiên một vụ án bị xử sai, và cơ quan khởi tố phải quyết định liệu có thử kiện lại hay không. Không có giới hạn số lần một bị can bị xử lại, nhưng rất ít bị cáo bị xử lại quá ba lần.

## Việc xét xử

Chỉ 10% hoặc ít hơn các vụ án tại Hoa Kỳ được giải quyết bằng các phiên tòa xét xử. Phiên tòa hình sự là cơ sở chống lại hệ thống đối nghịch. Luật sư bảo vệ thân chủ của mình quyết liệt, mặc dù anh ta có tin hoặc không tin thân chủ của mình có tội. Công tố viên đại diện cho nhà nước và nhân dân nhưng cũng chịu trách

nhiệm về nguyên tắc đại diện trong việc làm như một bộ trưởng tư pháp.

Hiến pháp bắt buộc rằng, trong nguyên tắc tìm kiếm lỗi của bị cáo, cơ quan điều tra, có thể là bồi thẩm đoàn hoặc quan tòa, phải yêu cầu rõ cơ quan khởi tố phải đưa ra được đầy đủ những chứng cứ đã được chứng minh rõ ràng chứ không chỉ ở mức nghi ngờ. Điều này là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc "bị can không bị coi là có tội"

Cả hai bên đều có quyền đưa ra nhân chứng của mình và trát đòi những nhân chứng không tự nguyện tham gia. Các luật sư khai thác các nhân chứng của họ để nhằm thẩm tra và những nhân chứng của phía bên kia để thẩm tra chéo. Quan tòa, không phải các thành viên bồi thẩm đoàn, có thể chất vấn các nhân chứng, nhưng theo quy định về hệ thống đối nghịch của Mỹ, trên thực tế các luật sư tiến hành tất cả các câu hỏi và quan tòa hành động như một trọng tài không thiên vị. Theo điều khoản bổ sung thứ 5 một nhân chứng có thể từ chối lý do làm chứng nếu anh ta hoặc cô ta có thể chứng minh rằng những lời khai trước tòa có thể dẫn đến việc họ bị buộc tội. Bên nguyên có thể miễn nghĩa vụ cho nhân chứng nhưng sau đó nhân chứng phải trả lời tất cả các câu hỏi. (Phía bị can không có quyền như vậy). Việc miễn trách nhiệm cho nhân chứng sẽ làm cho vụ án được sáng tỏ hơn nhất là những điều mà cơ quan điều tra chưa phát hiện ra.

## Tuyên án

Các cơ quan lập pháp, tòa án các cấp, các cơ quan thi hành án, các ủy ban ân xá và trong phạm vi nhất định, các hội đồng tuyên án đều có một vai trò quyết định trong quá trình tuyên án. Ban đầu, tuyên án tội danh, hay ít nhất là tuyên án phạm vi tối đa đối với từng tội danh, đã được cơ quan lập pháp quy định. Mức án quy định đối với cùng tội danh chênh lệch rất lớn và đôi khi cùng một mức án như nhau nhưng lại áp dụng cho những tội danh khác nhau. Việc tuyên án thuộc thẩm quyền của quan tòa sau khi đã nghe công tố viên và luật sư bào chữa tranh luận và đưa ra tội danh theo quan điểm của mỗi bên. Bị cáo thường được cho cơ hội được nói lời nói cuối cùng trước khi tòa tuyên án. Trong phạm vi nhất định, nạn nhân hay đại diện của nạn nhân cũng có thể được phát biểu trước tòa. Luật sư bào chữa thường nhấn mạnh về sự ăn năn của bị cáo, trách nhiệm đối với gia đình, triển vọng tốt đẹp trong công việc và là công dân tốt (trường hợp cần thiết) trong cộng đồng; bên nguyên lại thường nhấn mạnh về những điều đã được ghi trong bản cáo trạng, những tổn hại đã gây ra đối với nạn nhân và gia đình nạn nhân và cần trừng trị đích đáng làm bài học cho người khác.

Quan tòa tham khảo ý kiến của cơ quan thi hành án, là cơ quan độc lập điều tra sự hiểu biết của bị can, về những điều đã được ghi trong bản cáo trạng, hoàn cảnh phạm tội và những yếu tố khác. Quan tòa không phải tìm ra những căn cứ theo cách thông thường và không cần phải ghi ý kiến giải thích hay biện hộ cho lời tuyên án. Quá thời gian quy định, sau khi bản án đã được tuyên, bản án sẽ không bị kháng án.

## Các hình phạt

Chế độ tù treo thông thường do quan tòa hình sự của Mỹ tuyên. Trong khi còn hiệu lực, bị can sẽ không bị tống giam nếu như tránh được những rắc rối và thực hiện những quy định của cơ quan thi hành án, tuân thủ và báo cáo là những yêu cầu tối thiểu. Quan tòa quyết định thời gian cần thiết để thử thách, ít khi tới vài năm. Quan tòa cũng có thể đặt thêm một số điều kiện, như bắt buộc đi cai nghiện ma túy, tiếp tục làm việc hoặc đi học đối với những người phạm tội là trẻ vị thành niên.

Hình phạt tù được sử dụng nhiều khi tuyên án; trong năm 2001, tính đến thời điểm này đã có khoảng hai triệu tù nhân trong các nhà tù và nhà giam của Hoa Kỳ. Mỗi bang và chính quyền liên bang đều có hệ thống nhà tù riêng. Các tù nhân được phân thành các khu khác nhau (tùy theo mức độ nguy hiểm, khả năng vượt ngục, tuổi tác...) những người phạm tội và phân họ về nơi thụ hình có chế độ an ninh thích hợp: tối đa - trung bình - hay tối thiểu.

Việc tước quyền sở hữu trong các bản tuyên án những năm gần đây đã tăng đột ngột, đặc biệt trong các vụ án về ma túy và tội phạm có tổ chức. Đặc trưng trong những quy định về tước tài sản quy định là, như một phần của bản tuyên án, quan tòa có thể bắt bị cáo phải nộp tài sản đã sử dụng để phạm tội (bao gồm ô tô, thuyền, máy bay và thậm chí cả nhà) và/hoặc trong quá trình hoạt động phạm tội (doanh nghiệp, tài khoản ngân hàng, chứng khoán...)

Số tiền bảo lãnh do tòa án Hoa Kỳ quy định. Khi họ đã quy định, nó thường đi kèm với các hình phạt. Về phương diện lịch sử, số tiền bảo lãnh thấp hơn rất nhiều so với lệ phí thuê một luật sư cho một vụ án hình sự. Tuy nhiên, thời gian gần đây, mức tối đa của số tiền bảo lãnh đã tăng lên đột ngột. Khi đã nộp tiền bảo lãnh, Tòa án Tối cao cho phép bị can được tại ngoại mặc dù không có đủ tiền phạt, trừ khi có ý không thực hiện.

## Kháng cáo và tái thẩm

Hiến pháp không đảm bảo cho một người đã bị kết án quyền kháng cáo, nhưng ở mỗi cấp xét xử đều cho phép quyền được một lần kháng cáo, và một số bang có hai mức tòa kháng cáo và hai mức kháng cáo. Đối với một số kháng cáo lần thứ hai, tòa án có quyền lựa chọn án. Bởi vì để tránh nguy cơ tái thẩm, bên nguyên không được kháng án việc vô tội trong bản án đã tuyên. Vì thế, một quyết định tha bổng vẫn có giá trị, thậm chí nếu đó là do lỗi xét xử sai lầm của quan tòa trong việc áp dụng luật hay dựa trên những căn cứ giải thích khó hiểu của quan tòa hay bồi thẩm đoàn.

Sau khi bị cáo đã xét xử phúc thẩm ở tòa án bang đã kết thúc, anh ta (hoặc cô ta) có thể làm đơn xin được *lệnh đình quyền giam giữ* ở tòa khu vực của liên bang (tòa cấp địa phương) với lý do anh ta (hoặc cô ta) đã bị tòa án của bang giam giữ bất hợp pháp, vi phạm các quy định bảo đảm của liên bang hay các quyền đã được hiến pháp quy định. (Các tù nhân của liên bang cũng có thể làm đơn lên tòa án liên

bang xin tái thẩm trong khả năng có thể xảy ra, ví dụ, đó là một bằng chứng đã không được phát hiện trước khi diễn ra phiên tòa chứng minh được sự vô tội của họ).

Quyền về *lệnh đình quyền giam giữ* được hiến pháp bảo đảm và được thực hiện bởi một đạo luật của liên bang. Trong giới hạn một số trường hợp, một bị cáo lần thứ nhất đã không được *lệnh đình quyền giam giữ* có thể đưa ra một đơn xin *lệnh đình quyền giam giữ* bổ sung với những lý do khác về sự vi phạm hiến pháp.

## Ân xá, đại xá và giảm hình phạt

Theo truyền thống, các cơ quan đại xá đóng vai trò chủ yếu trong việc phóng thích tù nhân khỏi nhà tù. Mỗi bang đều có cơ quan đại xá riêng với các thành viên do thống đốc chỉ định. Cơ quan đại xá thường là một bộ phận của ủy ban đại xá, cơ quan trợ cấp, giám sát những người phạm tội sau khi học được tha. Điều cốt yếu để có thể chọn được một tù nhân được hưởng đại xá là một vấn đề của luật liên bang, vì thế có những sự dao động lớn giữa các bang về vấn đề này.

Trong một hệ thống mức án quan tòa có thể chỉ cần định rõ duy nhất một mức án tối đa, ví dụ, tù nhân có thể được hưởng đại xá sau khi đã chấp hành 1/3 bản án. Các thành viên của cơ quan đại xá theo thủ tục sẽ tiến hành một cuộc phỏng vấn tại nhà tù với những người có thể được đại xá. Nhìn chung cơ quan đại xá chú trọng tới những tiến bộ của tù nhân trong

thời gian thụ án, nhưng điều mà cơ quan đại xá sẽ luôn được cân nhắc đó là những chi tiết trong hồ sơ vụ án mà kẻ đó đã gây ra trước đây.

Cuối cùng, thống đốc của mỗi bang có quyền ra lệnh ân xá hay giảm bản án của kẻ phạm tội trong bang đó. Tổng thống Hoa Kỳ có quyền tương đương đối với những kẻ phạm tội của liên bang. Thông thường cơ quan ân xá được

chỉ định theo quy định của luật, có nhiệm vụ xem xét chọn lọc các đơn thỉnh cầu, tìm hiểu hạnh kiểm và làm kiến nghị cuối cùng gửi lên trưởng ban. Các thống đốc, đặc biệt là trong đa số những bản án tử hình của các bang, thường xem xét giảm hình phạt tử hình. Không giống như một số nước, việc ân xá không phải là một bộ phận của luật Hoa Kỳ hay truyền thống.

*Toàn văn bằng tiếng Anh: <http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0701/ijde/jacobs.htm>*

## *Xét xử tội phạm trẻ vị thành niên ở Hoa Kỳ*

Có các quy định và thủ tục riêng khi xét xử trẻ vị thành niên. Về lý thuyết hệ thống các quy định và các thể chế, khi bước sang thế kỷ 20 đã có nhiều tiến bộ và đổi mới, theo chiều hướng có lợi cho trẻ phạm tội. Việc xét xử trẻ vị thành niên được tiến hành tại tòa trẻ vị thành niên hoặc tòa gia đình, không phải tại tòa hình sự. Mục đích hướng tới không phải nhằm để trừng phạt hay ngăn chặn mà để cải hóa. Các vụ án mà tòa vị thành niên thụ lý bao gồm những đứa trẻ hư hỏng phạm pháp và những đứa trẻ mà bố mẹ chúng hoặc trường học không thể giáo dục được.

Tuổi tối đa để coi một kẻ phạm tội là trẻ vị thành niên là trong khoảng từ 16 đến 21 tùy thuộc vào phạm vi quyền hạn và ở những khu vực nhất định, căn cứ vào hình thức phạm tội với mức độ phạm lỗi. Vì thế, có có luật cho phép (và trong một số vụ việc ủy thác) xét xử với một trẻ vị thành niên như là một người trưởng thành nếu phạm tội giết người hay những tội đặc biệt nghiêm trọng khác. Nói chung, trong hệ thống xét xử tội phạm vị thành niên, bị can được xét xử nhẹ hơn nhiều so với người trưởng thành mặc dù về mặt hình thức có ít quyền về mặt tố tụng hơn.

Trong những trường hợp phạm tội cần phải xét xử, đòi hỏi quan tòa cần phải ra những quyết định khách quan theo tiêu chuẩn gần giống áp dụng đối với xét xử hình sự. Trẻ vị thành niên bị bắt giữ sẽ bị đưa đến trung tâm giam giữ trẻ vị thành niên, độc lập với nhà giam người trưởng thành và do cơ quan đặc biệt của khu vực hay chính quyền quận trông nom. Trẻ vị thành niên không có quyền được bảo lãnh. Tình trạng tiền xét xử của cô ta/cậu ta phụ thuộc vào duy nhất quyết định của quan tòa rằng việc tại ngoại có sự giám sát trước khi xét xử có thể ngăn chặn sự bỏ trốn hay bảo đảm cho cộng đồng khỏi những nguy cơ mà kẻ phạm tội tuổi vị thành niên có thể gây ra trong tương lai hay không.

Bị can vị thành niên không bị buộc tội theo quy định của luật, với trường hợp lần đầu phạm tội. Tuy nhiên, cô ta/cậu ta được phép đòi hỏi có luật sư để chứng minh sự vô tội. Trẻ vị thành niên không có quyền được xét xử bởi bồi thẩm đoàn, nhưng có khoảng 1/4 trong tổng số các bang đã ban hành đạo luật cho phép bồi thẩm đoàn tham gia vào những vụ xét xử trẻ vị thành niên. Bồi thẩm đoàn hay quan tòa phải tìm những chính xác

lỗi của bị can là vị thành niên. Ở đa số các bang, việc buộc tội bị can là trẻ vị thành niên phải được thả khỏi "trại cải tạo" của trẻ vị thành niên hay trung tâm giáo dưỡng nếu như vào thời điểm đó chúng chưa đến 21 tuổi.

Gần như suốt thế kỷ 20, những hồ sơ về tội phạm vị thành niên được giữ kín. Hiện nay,

chúng thường có giá trị đối với cảnh sát, công tố viên và quan tòa ở tòa xét xử người trưởng thành. Ngày nay, đã có sự thay đổi rất lớn trong các quy định trong việc xét xử trẻ vị thành niên, chủ yếu theo hướng đối xử với các tội phạm vị thành niên ngày càng khắt khe và giống như tội phạm đã trưởng thành.

*Toàn văn bằng tiếng Anh:* <http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0701/ijde/jacobssdb.htm>

## VIỆC TUÂN THỦ LUẬT PHÁP Ở HOA KỲ: THỦ TỤC TỔ TỤNG VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CÔNG BẰNG

Tom Tyler



Tom Tyler

*Bằng cách nào, một xã hội có thể duy trì được trật tự thông qua các thể chế đã đặt ra? Phải chăng trật tự này chỉ được duy trì trên cơ sở nỗi lo sợ khi bị trừng phạt? Hoặc giả đó là ảnh hưởng từ quan điểm của số đông những người khác về công lý và công bằng một cách tự phát? Trong những nghiên cứu chuyên khảo về chủ điểm này, Tom Tyler, tiến sĩ tâm lý học Đại học Tổng hợp New York và các cộng sự đã phát hiện ra rằng những người Mỹ nói riêng và đại bộ phận dân chúng nói chung, tuân thủ pháp luật chủ yếu dựa trên sự linh hội của bản thân họ đối với quá trình tố tụng là một sự công bằng và trung thực và theo những giá trị*

Ở Hoa Kỳ, người dân thường coi các nhân viên cảnh sát và các quan tòa như là hiện thân của luật pháp, những người này được nắm giữ những quyền lực lớn, họ sử dụng quyền lực này để đảm bảo pháp luật được thực thi. Họ cũng là những người có quyền ra những quyết định những hình phạt và ra có những biện pháp để đảm bảo thực thi những hình phạt đó.

Tuy nhiên trên thực tế, điều này hoàn toàn khác, bởi lẽ: Thứ nhất, dù cho đại bộ phận dân chúng Mỹ là những người tôn trọng pháp luật nên họ luôn sẵn sàng tuân theo những quyết định của tòa án và cảnh sát, song ở đây tuân thủ pháp luật không mang tính tự nguyện. Những nhà chức trách Hoa Kỳ đã phải rất khó

khăn để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật của xã hội và điều đó ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp hơn. Những nhân viên cảnh sát Mỹ cho biết, càng ngày càng khó khăn để có được sự ủng hộ của công chúng, trong khi đó quan tòa cũng phải luôn đối mặt với vô số khó khăn bởi người dân không tuân thủ các quyết định của tòa án. Nếu hiểu theo thuật ngữ "ảnh hưởng của pháp luật đến đời sống hàng ngày" chẳng hạn như việc nộp thuế thu nhập hay dừng xe khi đèn đỏ, thì nhận thấy rằng người dân Mỹ ngày càng ít quan tâm tới luật pháp. Chúng ta không nên quá phóng đại vấn đề tuân thủ luật của của xã hội, song việc những nhà làm luật phải hiểu lý do người dân tuân thủ luật pháp vẫn luôn phải được đặt ra.

## Vai trò của nhân tố đạo đức trong việc tuân thủ pháp luật

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những động cơ khiến con người ta hàng ngày tuân thủ luật pháp không phải là sự sợ hãi bị trừng phạt vì coi thường hay bất chấp hay làm ngơ trước những quy định của luật pháp, điều này chỉ mang tính chất ngăn chặn. Vậy động cơ cốt lõi của việc tuân thủ pháp luật chính là yếu tố đạo đức trong nhân cách mỗi cá nhân. Hai yếu tố then chốt trong vấn đề này chính là: tâm lý pháp luật và đạo đức.

Tâm lý pháp luật được hiểu như một niềm tin rằng, nhà nước với vai trò quản lý ra các quyết định và đảm bảo cho các quy định đó được thực hiện. Đa số các công dân Mỹ cho rằng việc tuân thủ các quyết định của cảnh sát và quan tòa là nghĩa vụ bắt buộc. Ví dụ, người dân Mỹ luôn nghĩ “tốt hơn hết là tuân thủ pháp luật, cho dù nó có sai”. Vì thế họ luôn coi những người quản lý là đúng đắn, hợp pháp. Thậm chí họ không hề nghĩ tới việc họ sẽ bị bắt hay chịu hình phạt khi làm ngơ trước những quyết định của nhà quản lý.

Paul Robinson và John Darley, trong cuốn *Công lý, Trách nhiệm và Hình phạt: Cách nhìn nhận của cộng đồng và tội phạm hình sự* đã chỉ ra rằng mỗi người nhìn nhận pháp luật bằng những cảm giác điều đó đúng hay sai, điều đó liên quan đến đạo đức riêng của từng cá nhân. Giết người là phạm pháp, mọi người đều coi đó là một việc trái đạo đức, nên trong đa số các trường hợp, đạo đức xã hội luôn phù hợp với

pháp luật. Song điều này không hoàn toàn đúng, một bộ phận xã hội Mỹ cho rằng những hành vi: say rượu, sử dụng ma túy, sao chép trái phép phần mềm, thậm chí vi phạm các quy định về đỗ xe không hề vi phạm các nguyên tắc đạo đức mặc dù những hành vi này là trái pháp luật.

Vào năm 1990, trong một nghiên cứu về vấn đề tại sao người ta lại tuân thủ pháp luật, từ góc độ của một nhà quản lý tôi đã trực tiếp so sánh sự ảnh hưởng của nguy cơ bị xét xử và yếu tố đạo đức trong luật pháp đối với việc tuân thủ pháp luật. Tôi nhận thấy rằng cả tâm lý pháp luật cũng như đạo đức con người đều ảnh hưởng đến pháp luật không phụ thuộc vào các quyết định của tòa án về nguy cơ có thể bị bắt và trừng phạt đối với những hành động phạm pháp. Yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất là đạo đức, yếu tố mạnh thứ hai là tính hợp pháp. Đánh giá mức độ rủi ro cũng ảnh hưởng đến việc tuân thủ, nhưng đây là yếu tố yếu nhất trong 3 yếu tố. Về mặt nào đó, đạo đức xét xử là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất và ít mạo hiểm nhất.

## Vấn đề ngăn cản việc đảm bảo thực hiện

Một số nghiên cứu khác cho rằng việc cảnh báo hay sử dụng luật pháp, bản thân nó ẩn chứa những rủi ro nhất định, cũng ảnh hưởng đến hành vi pháp lý ở một chừng mực nào đó. Tuy nhiên, theo một số nghiên cứu của cá nhân tôi, tầm quan trọng của mức độ ảnh hưởng đó thường ở mức độ nhỏ. Ví dụ, trong việc xem xét tài liệu về sử dụng ma túy ở Hoa

Kỳ, Robert MacCoun trong một bài báo về ma túy và pháp luật trong *Bản tin Tâm lý học*, phát hiện rằng có khoảng 5% ý kiến khác nhau trong việc người dân sử dụng ma túy được giải thích bởi những phán quyết dân sự có khả năng sẽ bị cảnh sát và tòa án bắt giam và trừng phạt. Kết luận này là hình thức tìm hiểu và nghiên cứu việc tuân thủ những quy định của pháp luật cần phải có ở mức tốt nhất, một yếu tố nhỏ tác động đến hành vi của con người.

Tính thiết thực của nghiên cứu này là ở chỗ cảnh sát và tòa án rất khó khăn trong việc thực thi pháp luật khi họ chỉ có thể trừng phạt trong quyền hạn của mình. Ngoài phạm vi cho phép và /hoặc khi thực thi pháp luật xuất hiện sự mâu thuẫn với đạo đức xã hội, các chủ thể pháp luật không thể thực thi tốt nhiệm vụ của mình. Điều này đúng cho cả luật hình sự và luật dân sự của Hoa Kỳ, đó là, kết quả của sự cố gắng của các chủ thể pháp luật trong việc duy trì những quy định chung và giải quyết những bất đồng trong công chúng.

Hậu quả của việc thực thi pháp luật kém hiệu quả đã được minh họa bởi việc kiểm tra ảnh hưởng của sự thiếu tin tưởng và trung thực với cảnh sát và tòa án trong một số ít dân chúng. Việc thực thi pháp luật kém hiệu quả này không chỉ dẫn đến việc vi phạm pháp luật nhiều hơn trong một số ít dân chúng mà còn dẫn đến sự thiếu thiện chí ở một số người trong việc hợp tác với cảnh sát để giải quyết các vấn đề tội phạm. Những ví dụ điển hình về những vấn đề nảy sinh ra khi luật pháp tách rời khỏi đạo lý, một chuyện buồn trong

lịch sử nước Mỹ, trong đó có cả nỗ lực để làm cho việc uống rượu khi lái xe là bất hợp pháp (cấm) và những nỗ lực tiếp theo nhằm đẩy mạnh hiệu lực của pháp luật chống lại nạn mại dâm và cờ bạc. Mỗi khi cảnh sát thi hành luật nhằm chống lại những hành vi mà một số người dân không cho là vi phạm về mặt đạo đức thì công việc của cảnh sát trở nên khó khăn hơn.

Giải quyết vấn đề này như thế nào? Một cách giải quyết khả thi là có thể tăng một cách đột ngột quy mô của lực lượng cảnh sát và trao cho họ nhiều quyền lực hơn để có thể xâm nhập vào đời sống hàng ngày của mọi người, những người vi phạm pháp luật có khả năng bị bắt giữ và bị trừng phạt nhiều hơn. Và ngược lại điều này cũng làm tăng nguy cơ bị bắt và vì vậy có thể làm giảm những hành vi phạm tội.

Ví dụ như trong trận chiến chống lại việc uống rượu khi lái xe, một số vùng cho phép cảnh sát dựng lên những con đường với các chướng ngại vật nhằm dừng xe lại trong khi đó một số vùng khác lại cho phép cảnh sát dừng xe và hỏi bất kỳ một người nào đi trên phố hoặc đang lái xe và thậm chí bắt giam họ mà không cần xét xử. Không rõ rằng việc tăng quyền cho các nhà chức trách như vậy có hiệu quả đối với các hành vi cư xử của công chúng không nhưng có thể thấy rằng đó là những chiến lược có thể dùng để làm cho những sự cản trở này trở nên có hiệu quả hơn.

Có một số khó khăn liên quan đến những

nỗ lực để tăng cường những quy định hiệu quả của luật pháp bằng cách đẩy mạnh sự ngăn ngừa của cảnh sát. Một vấn đề là việc đẩy mạnh quyền lực của chính phủ ở Mỹ mâu thuẫn với việc từ xưa tới nay Mỹ luôn nhấn mạnh vào tự do và quyền cá nhân, những điều đã được nói đến trong Tuyên ngôn độc lập, trong Hiến pháp và Tuyên ngôn Nhân quyền. Truyền thống dân chủ này luôn đi đôi với thiện chí chung của người Mỹ là luôn tuân thủ pháp luật và chính phủ, nhưng sự tuân thủ pháp luật này không phải là tự động, nghi ngờ chính phủ và chống đối luật pháp vẫn được coi như sự xâm phạm không cần thiết, là một yếu tố lâu đời trong pháp luật và chính trị Mỹ. Bởi vậy tăng cường quyền lực của chính phủ có thể có ảnh hưởng làm giảm sự tuân thủ pháp luật và tính hợp pháp của pháp luật. Một vấn đề khác là liệu có thực tế không khi nghĩ rằng những chiến lược nhằm thay đổi những xét xử liệu lĩnh có thể thay đổi cách cư xử của người dân. Như đã nói thì những xét xử liệu lĩnh có ảnh hưởng đối với những hành vi cư xử đó.

### **Vai trò của tính công bằng về thủ tục để đạt được sự tuân thủ**

Có cách nào để tạo ra và duy trì một hệ thống pháp luật thực tiễn? Những nghiên cứu gần đây về những cơ sở mà dựa trên đó người Mỹ phản ứng lại pháp luật và những quyết định của các nhà chức trách đã chỉ ra một cách rất khả thi và quan trọng. Bởi vì cảnh sát và tòa án là những nhà chức trách về những quy định xã hội nên họ buộc phải đưa ra những quyết

định về những kết quả mà mọi người dân đều xem như là không phù hợp và thậm chí là không công bằng. Ví dụ như cảnh sát nói với người dân không được làm những điều mà họ muốn làm, và thi hành những điều đó bằng việc đe dọa, bắt giữ và thậm chí tống giam. Quan tòa thường xuyên phải thi hành luật pháp bằng cách phạt người dân hoặc tống giam họ. Người ta thường cho rằng những kết quả không mong đợi này sẽ chỉ được chấp nhận khi các nhà chức trách bị chính các hình phạt này.

Nghiên cứu về những phản ứng của người dân bằng kinh nghiệm của cá nhân với cảnh sát và tòa án đã đưa ra sự khác biệt và một hình ảnh chủ quan về việc người dân phản ứng lại với những quyết định của các nhà chức trách như thế nào. Những nghiên cứu cho thấy việc người dân dùng các chuẩn mực về đạo đức để đánh giá những kinh nghiệm của cá nhân họ. Đặc biệt, với kinh nghiệm của bản thân họ đánh giá các nhà chức trách qua thủ tục các pháp lý. Nghiên cứu này đã chỉ ra một cách chắc chắn rằng những nền tảng cơ bản để mọi người chấp nhận hay phản đối những quyết định của cảnh sát hay tòa án là sự đánh giá của họ về sự công bằng trong những thủ tục của các nhà chức trách khi đưa ra những quyết định.

Hãy xem xét ví dụ này, tôi đã phỏng vấn những người xuất hiện trước phiên tòa về giao thông ở Chicago, Illinois. Vào thời gian đó, việc bác bỏ vụ án khi người có tội đã đến tòa là chuyện bình thường, bởi vì người ta cho

rằng việc đi đến tòa án cũng là sự trừng phạt đối với các tội nhỏ. Vì vậy bị cáo không phải chịu phạt cũng như không có tiền án. Chúng tôi đã nghĩ rằng như thế thì mọi người rất vui vẻ, tuy nhiên tôi thấy rằng mọi người rất tức giận. Tại sao lại như vậy? Bởi vì họ chưa từng trải qua và không nghĩ rằng việc bố trí phiên tòa như vậy là công bằng. Họ muốn có một phiên tòa mà ở đó họ có thể đưa ra những chứng cứ và có được những quyết định hợp pháp xứng đáng với tiền tài xe họ bỏ ra để đi xem. Nhận được một kết quả ưu đãi không quan trọng bằng việc có những phán xét hợp lý.

Trong cuốn "Tâm lý xã hội về việc xét xử theo thủ tục", E.Allan Lind và tôi đã phỏng vấn những người có liên quan cả với cảnh sát và tòa án. Chúng tôi đã thấy rằng mọi người có phản ứng mạnh mẽ lại với sự đánh giá của họ về sự công minh của những nhà chức trách. Những người cảm thấy được đối xử công bằng rất sẵn sàng chấp nhận các quyết định thậm chí nếu những quyết định này là không hề ưu đãi họ và họ không cần biết liệu họ có sẽ bị bắt hoặc bị trừng phạt nếu họ không tuân thủ pháp luật. Tại sao đây lại là một trường hợp? Những thủ tục công bằng làm cho mọi người sẵn sàng tuân theo. Với những lý do như vậy thì mọi người sẵn sàng chấp nhận những quyết định này một cách vui vẻ. Sự phát hiện này là rất quan trọng bởi vì nó chỉ ra rằng mọi người tập trung vào những vấn đề thuộc về đạo lý hơn là những vấn đề ăn thua khi mà họ phản ứng bằng những kinh nghiệm của mình với cảnh sát và tòa án.

Những phát hiện này chỉ ra rằng các nhà chức trách có thể dành được sự ủng hộ cho các quyết định của mình nếu họ chú ý vào chính những quyết định này. Năm 1997 một nghiên cứu do Paternoster và các đồng tác giả thực hiện liên quan chặt chẽ đến những quyết định và mọi người cảm thấy trách nhiệm cá nhân cao hơn và tuân thủ hơn những quy định khác. Cuộc nghiên cứu năm 1997, mọi người cảm thấy rằng họ được đối xử công bằng khi họ phải làm việc với cảnh sát, họ cảm thấy dễ dàng tuân thủ pháp luật hơn sau 6 tháng kinh nghiệm của bản thân. Vì cảnh sát không được xuất hiện trong suốt thời gian sau, nên người dân phải chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật. Việc được đối xử công bằng làm cho người dân nhất trí với các quy định của xã hội và tự bản thân họ cam kết tuân thủ pháp luật.

### **Người dân quyết định yếu tố nào trong thủ tục phán quyết của tòa án?**

Những cuộc nghiên cứu đã chỉ ra rằng các thành viên của xã hội có những kiểu phức tạp về sự phán xét theo thủ tục, thường có 8 hoặc nhiều hơn nữa những vấn đề về pháp lý khi quyết định xem họ nghĩ một thủ tục pháp lý công bằng như thế nào. Bốn vấn đề thường được coi là quan trọng nhất.

- Một là họ đánh giá cơ hội tham gia và cho ý kiến khi các quyết định được đưa ra.
- Hai là họ muốn các thủ tục phải công bằng, không thiên vị và phải dựa trên những tiêu chí thực tế và thực hiện qua những yêu cầu thống nhất của các quy định.

- Ba là họ muốn được đối xử một cách tôn trọng và họ có quyền biết.
- Bốn là họ muốn cảm thấy được các nhà chức trách xem xét những nhu cầu và mối quan ngại của họ và phải trung thực khi đối thoại với họ.

Những thảo luận về việc liệu chấp nhận chỉ dẫn của nhà chức trách về những mối quan ngại của họ trong những quyết định là quan trọng hơn hay là những đánh giá về sự công minh hoặc ưu đãi của các quyết định đầy quan trọng hơn.

### **Mối quan hệ giữa thủ tục pháp lý và lòng tin đối với nhà cầm quyền**

Mọi người thường đánh giá khác nhau những yếu tố khác nhau dựa vào bản chất của vấn đề mà họ tham gia vào. Ví dụ như cơ hội đưa ra ý kiến là đặc biệt quan trọng khi các nhà chức trách cố gắng giải quyết mâu thuẫn giữa một số người. Mặt khác, dân tộc, giới tính và địa vị xã hội cũng không ảnh hưởng tới quan điểm của họ về việc cái gì tạo ra sự công bằng về thủ tục.

Điều này chỉ ra rằng những công bằng về thủ tục có thể là một cơ chế được đánh giá đặc biệt, qua đó có thể giải quyết được những tranh chấp xuyên biên giới. Những nghiên

cứu đã chỉ ra rằng mọi người ở các nền kinh tế khác nhau, xã hội khác nhau và hệ tư tưởng khác nhau thường có những quan điểm khác nhau về việc đưa ra các kết quả công bằng và có quan điểm khác nhau về những kết quả nào phù hợp với nhóm người của họ. Tuy nhiên những người cùng một nhóm sẽ có nhiều điểm chung hơn khi họ được hỏi để đóng góp vào thủ tục để ban hành những quyết định công minh. Vì thẩm quyền để chấp nhận các thủ tục công bằng đã được đưa ra, nó khuyến khích mọi người nhất trí về những cái tạo nên sự công bằng thủ tục.

Vấn đề tương tự cũng xuất hiện trong thủ tục tìm kiếm trong tư pháp khi chúng tôi kiểm tra việc tuân thủ pháp luật hàng ngày của người dân. Mọi người dường như chỉ tuân thủ pháp luật khi họ tin tưởng vào sự công minh của các thủ tục do các quan chức và các cơ quan pháp luật sử dụng. Bởi vậy bằng cách đưa ra những quyết định công bằng, các quan chức xây dựng cách ứng xử pháp luật trong đó mọi người cảm thấy trách nhiệm cá nhân là phải tuân thủ pháp luật. Xã hội tự trị như vậy phải dựa vào cảm giác của mọi người về trách nhiệm cá nhân và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và thiện chí của họ đối với các giá trị về đạo đức.

## SỰ CẦN THIẾT CỦA TƯ PHÁP CỘNG ĐỒNG

Dennis Maloney



Dennis Maloney

*Điều gì sẽ xảy ra nếu thay vào cách thức đã qua thử nghiệm để đối phó với tội phạm hình sự là một cách khác có hiệu quả hơn và gắn gũi với dân chúng hơn? Thay bằng quá trình tố tụng dài đằng đẵng mà trong đó tội phạm có thể bị kết án hoặc có thể không, cộng đồng dân cư cùng với và thông qua một cơ quan đặc biệt có thể làm khâu trung gian giữa tội phạm và nạn nhân. Denis Maloney, giám đốc của Tư pháp cộng đồng, một tổ chức thuộc chính quyền địa phương có mối quan hệ làm việc chặt chẽ với NGO's nhằm cổ xúy cho sự phòng ngừa tội phạm và hợp tác trong lĩnh vực này sẽ giới thiệu về hệ thống "tư pháp cộng đồng" đang vận hành tại hạt Deschutes, Oregon.*

Bạn thử hình dung tình huống sau đây: sau một ngày làm việc, vào buổi chiều muộn, bạn kịp lên chuyến xe buýt cuối cùng. Xuống xe ở bến quen thuộc, bạn rảo bước về nhà. Vừa tới gần nhà bạn chứng kiến một tình huống gay cấn. Bạn thấy một lũ trẻ túm tụm xung quanh người đàn bà nằm dưới đất trước cổng nhà và khóc lóc nỉ non. Chạy tới nơi, bạn nhận thấy một bóng người đàn ông đang mất dần vào màn đêm trên phố. Bạn sẽ làm gì lúc đó?

Tôi đã hỏi câu này hàng ngàn người tại hàng chục thành phố ở Mỹ và nhận được câu trả lời như nhau. Trước hết, bạn cần phải chăm lo đến người phụ nữ, xem bà ta còn sống hay không và xác định tính chất của vết thương. Sau đó bạn trấn an bọn trẻ vừa trải qua cơn

chấn động. Và cuối cùng bạn nhờ hàng xóm gọi cấp cứu và báo cảnh sát bao vây, bắt giữ tội phạm. Trình tự trên đây: chăm sóc nạn nhân, huy động cộng đồng xung quanh và sau đó là truy bắt tội phạm đã thành quy tắc đối phó với tội phạm ở Mỹ.

### **Những thiếu sót trong hệ thống hiện hành**

Nếu quả thật trong lúc này bọn tội phạm vẫn hoành hành, tại sao hệ thống tư pháp hình sự vẫn trung thành với quy tắc trái ngược? Ở Mỹ, chúng tôi cung cấp các dịch vụ pháp lý cho tội phạm lấy từ nguồn kinh phí của chính phủ, can thiệp về mặt tư vấn và y tế ngay cả trong

thời gian bị tù, các dịch vụ giáo dục và hướng nghiệp. Nói chung các nạn nhân của tội phạm đã mệt mỏi trong việc đối mặt với chấn thương tinh thần bằng cách riêng của mình. Bởi vậy công chúng Mỹ đi đến kết luận là hệ thống tư pháp hình sự Mỹ quá chú trọng đến tội phạm và thực chất chúng tôi thành người bảo vệ cho tội phạm. Thậm chí nhiều người còn thuyết phục chúng tôi bảo vệ cho tội phạm mà quên đi những nhu cầu của cộng đồng và nạn nhân. Nghịch lý này không thể chấp nhận được. Hệ thống tư pháp hình sự Mỹ dựa trên sự giam cầm như phương thức được trọng dụng và trong nhiều trường hợp như phương thức duy nhất để giữ hành vi của tội phạm trong tầm kiểm soát của mình. Ngày càng rõ ràng là chúng ta có thể nhận dạng một cách sâu sát hơn những dấu hiệu riêng biệt trong hành vi của tội phạm nếu cho phép nạn nhân tham gia vào suốt quá trình tố tụng. Điều đó sẽ giúp chúng ta kiểm soát bọn tội phạm tốt hơn.

Trước hết hãy để cho chúng tôi được kiểm chứng là quả thật có những địa điểm tuyệt đối an toàn để giam giữ tội phạm nguy hiểm trong thời gian tiền xét xử và trừng phạt chúng vì những hành vi ngộ ngược. Bọn này cần phải được giam giữ tại những nhà tù kiên cố trong thời gian dài. Nhưng chúng ta cũng cần nhớ rằng phần lớn các vụ phạm tội là sự mất mát về tài sản do tay của bọn tội phạm không có xu hướng bạo lực gây ra. Đó là những tội như trộm cắp, phá phách, làm séc giả. Những tội phạm này chiếm 90% tổng số tội phạm ở Mỹ. Đối với những trường hợp như vậy thì có lẽ

hợp lý hơn và đỡ tốn kém hơn khi giữ bọn tội phạm dưới tầm kiểm soát trực tiếp của cộng đồng và nạn nhân.

Điều này có thể thực hiện được nếu cho phép nạn nhân tự xác định mức độ bồi thường, các loại dịch vụ cộng đồng có ý nghĩa, và bên cạnh phương pháp liệu pháp, sắp xếp cho nạn nhân đối thoại mặt đối mặt với tội phạm về tổn thương mà họ phải chịu do tội phạm gây ra.

Quả thật là nếu hệ thống tư pháp hình sự lo được địa điểm giam giữ bọn tội phạm nguy hiểm và những tên tội phạm kinh tế kinh niên thì chúng tôi có thể dành ra được khoản tiền để cung cấp một cách rộng rãi những dịch vụ cần thiết nhất cho nạn nhân. Chúng tôi cũng có thể tài trợ cho những chiến lược ngăn ngừa tội phạm, cách thức tối ưu để ngăn chặn sự tội phạm hóa.

Đến đây chúng ta tiếp cận với thành tố thứ ba trong hệ thống tư pháp hình sự: ngăn ngừa tội phạm. Chúng tôi có hệ thống thông tin đầy đủ nhất về địa điểm, thời gian, cường độ, phương hướng của hoạt động tội phạm. Nếu nhìn vào các phương tiện để ngăn ngừa tội phạm, chúng ta nhận thấy sự cải tiến vượt bậc. Không như hệ thống cũ hầu như không chú ý tới nạn nhân của tội phạm và do đó hầu như không chú ý tới việc bàn luận về phòng ngừa tội phạm. Hệ thống đó quản lý được động thái của bọn tội phạm dựa vào những nguồn tin rất tốn kém. Cách tiếp cận như vậy chỉ một sớm một chiều.

## Tư pháp cộng đồng

Tại hạt Deschutes, Oregon và một số địa phương khác của Liên bang, một nhóm viên chức tư pháp cùng với các quan chức dân cử địa phương, các đại biểu từ cơ quan lập pháp và các công dân riêng biệt tạo thành nhóm làm việc để rà soát lại những nhược điểm của hệ thống hiện hành, và quan trọng hơn là xây dựng một hệ thống tư pháp hình sự tốt hơn - hệ thống mà chúng tôi gọi là "tư pháp cộng đồng".

Trong khuôn khổ của tư pháp cộng đồng, nạn nhân được đề cao như "hành khách" tối cao của hệ thống tư pháp, tội phạm được giữ trong vòng kiểm soát bằng những cách thức hiệu quả, và phòng ngừa tội phạm được coi là hướng hoạt động ưu tiên. Sự tham gia của công dân vào việc chăm lo các nhu cầu của nạn nhân, xác định các hướng chủ đạo, điều đình các khoản bồi thường, giám sát các dự án dịch vụ cộng đồng chiếm vị trí trung tâm trong cách làm của tư pháp cộng đồng. Các quan chức tư pháp lo ngại rằng sự thay đổi đó có thể làm nảy sinh những yêu cầu có tính quy trình, thủ tục tổ tụng.

Hạt Deschutes từng bước cho thấy là họ có ý định nghiêm túc trong cách nhìn mới về hệ thống tư pháp. Tiếp theo một loạt cuộc gặp do Chánh án Tòa lưu động Stephen Tiktin chủ trì nhằm nhấn mạnh sự cần thiết của hệ thống tư pháp đề cao các dịch vụ cho nạn nhân và phòng ngừa tội phạm, hạt đã đưa ra một bản nghị quyết phúc đáp lãnh đạo nhóm. Nghị

quyết nhấn mạnh một loạt biện pháp đưa hệ thống hiện hành tiến tới mô hình tư pháp cộng đồng.

Sau đây là một số ví dụ về những ý tưởng được thực hiện sau khi thông qua nghị quyết.

## Giúp đỡ nạn nhân tốt hơn

Văn phòng chương lý hạt Deschutes đã có công triển khai một cách đáng khen ngợi các dịch vụ cho nạn nhân. Văn phòng chăm lo đến nhu cầu của nạn nhân từ lúc tội phạm được báo cho đến lúc khoản bồi thường cho nạn nhân được trả. Chương trình trợ giúp nạn nhân bắt đầu sau khi hệ thống cấp cứu y tế "mã hóa". Những tội phạm nguy hiểm được mã hóa bằng màu xanh da trời, chương trình bảo đảm rằng nạn nhân có sự giúp đỡ của những người tình nguyện ngay trong vài phút đầu sau khi có tin báo. Những tội phạm nhỏ hơn được trả lời trong vòng vài tiếng, còn những nạn nhân gặp tội phạm vụ vật được tiếp xúc sau đó vài ngày. Nạn nhân cũng nhận được những dịch vụ khác như tư vấn tâm lý, cung cấp chỗ ở tạm thời nếu cần thiết, thông tin pháp lý và được giúp đỡ về những mất mát phải chịu. Thông điệp gửi tới nạn nhân thật rõ ràng: "Bạn là một trong những thành viên của cộng đồng chúng ta; bạn gặp rắc rối, và công việc của chúng tôi là làm mọi điều có thể làm được để bạn phục hồi một cách tốt nhất. Chúng tôi sẽ ở bên bạn cho đến lúc bạn thấy an toàn.

Tòa lưu động Deschutes đã tạo ra những điều

kiện để nạn nhân tham gia vào quá trình tố tụng. Tòa rất chú trọng đến việc giúp đỡ để nạn nhân và tội phạm điều đình với nhau. Theo cách làm này, nạn nhân có thể gặp mặt đối mặt với tội phạm và giải bày những hậu quả tổn thất của họ, trình bày yêu cầu bù lại những mất mát về tiền bạc, xác định các yêu cầu cho chương trình trợ giúp cộng đồng. Khóa học được các tình nguyện viên có trình độ cao giúp đỡ. Ban tư pháp cộng đồng mới thành lập đã điều phối chương trình cho tòa. Những kết quả ban đầu của cách làm này rất đáng khích lệ. Các nạn nhân tỏ ra hài lòng với sự điều đình, hòa giải nhiều hơn là so với quy trình tố tụng truyền thống. Và các thỏa thuận tỏ ra lâu bền hơn những lệnh về án treo. Tội phạm trả tiền bồi thường nhiều hơn, vào khoảng 90% so với trung bình 33% từ các bản án treo.

Ban Tư pháp cộng đồng đã thay đổi các quan điểm từ chỗ chú trọng tư vấn cho tội phạm sang quan điểm nhấn mạnh đến tư vấn và ủng hộ nạn nhân. Hệ thống cũ hỏi: Vị trí pháp lý của tội phạm là gì? Có nhu cầu gì? Cần làm gì để thay đổi hành vi cư xử của chúng? Hệ thống mới hỏi: Hoàn cảnh của nạn nhân là gì? Họ bị tổn thất đến đâu? Tội phạm phải làm gì để bù đắp cho nạn nhân?

Ban tiếp tục quản lý và kiểm soát hành vi của tội phạm. Nhưng nội hàm chủ chốt của việc kiểm soát là buộc tội phạm phải có trách nhiệm phục hồi cho nạn nhân và trả bồi thường. Trách nhiệm, chứ không phải trợ giúp tư vấn là hướng ưu tiên trong việc kiểm soát tội phạm.

## Quản lý các tội phạm kinh tế một cách hữu hiệu hơn

Cộng đồng kinh doanh hạt Deschutes liên kết với Ban Tư pháp cộng đồng thành lập nên *Phòng trợ giúp thương nhân (Merchant Accountability Board)*. Tổ chức này được phát triển vì một số lý do:

- Việc giả mạo khách hàng để ăn cắp ở các cửa hàng, trộm cắp vật, giả mạo thẻ tín dụng đã gây ra những tổn thất nghiêm trọng trong lĩnh vực buôn bán lẻ và trong một số trường hợp đe dọa khả năng của một số người làm ăn nhỏ.
- Văn phòng chống lý hạt có thể khởi tố những vụ việc như vậy, nhưng mỗi lần khởi tố tốn từ 600 - 900 đô-la lấy từ ngân sách của Ban để chi cho các loại lệ phí chống lý và những chi phí nhân sự khác. Cái giá đó cũng giống như một lần bị mất trộm khoản tiền lớn hay nhỏ.
- Các thương gia mặc dù được Chương trình Điều đình Nạn nhân với Tội phạm ủng hộ, nhưng không phải trong trường hợp nào cũng có thời gian tiếp xúc điều đình.
- Kết quả là các thương gia cùng nhau lập nên chương trình trong đó một người có thể làm đại diện cho tất cả trong các vụ việc và xác định mức bồi thường. Bằng cách này vụ việc được giải quyết mà không cần đến sự khởi tố tốn kém, các thương gia có cơ hội cho những kẻ ăn cắp đồ của hàng, những tên trộm vật thấy ảnh hưởng nghiêm trọng của hành vi đó đối

với việc kinh doanh gia đình, và các thư ơng gia nhận được tiền bồi thường nhanh hơn và nhiều hơn so với khi thông qua các quy trình tố tụng tại tòa.

## **Xây dựng những cộng đồng bền vững hơn**

Một trong những điểm mới trong tư pháp cộng đồng do Ban tư pháp cộng đồng mang lại là cái nhìn về hoạt động cộng đồng như một nguồn để xây dựng những cộng đồng bền vững hơn. Theo truyền thống, hoạt động cộng đồng thường được sử dụng như một biện pháp cải tạo tội phạm. Tại hạt Deschutes, theo quan niệm về tư pháp cộng đồng, hoạt động cộng đồng được coi là cách thức để phục hồi sự cân bằng cho nạn nhân và cộng đồng.

Với ý nghĩa đó, Ban tư pháp cộng đồng đã làm việc hết mình với các tổ chức cộng đồng tình nguyện khác nhằm triển khai một loạt các dự án mới mẻ như:

- Hợp tác với Câu lạc bộ Vòng đời địa phương thành lập trung tâm giúp đỡ trẻ em bị ngược đãi;
- Hợp sức với tổ chức chống đói nghèo địa phương để huy động tiền bạc cho nhà tế bần 70 chỗ;
- Góp phần xây dựng công viên ở hạt để tưởng nhớ một nhà sư phạm địa phương;
- Phát triển mối quan hệ với tổ chức " Mối trường cho con người", nơi tội phạm có chỗ ở dưới sự cai quản của tổ chức này.

Với cách làm này, cộng đồng đã thu được

những lợi ích vô hình do Ban mang lại, và tội phạm đã bắt đầu thiết lập được mối quan hệ với cộng đồng bằng cách giảm thiểu bản năng phá phách trong họ. Cộng đồng dân cư đã ủng hộ nhiệt thành cách làm đó.

## **Những chiến lược phòng ngừa tội phạm**

Vấn đề này có thể gây xáo động nhất trong nếp nghĩ của các hạt. Khi phân tích hệ thống cải tạo tội phạm vị thành niên của bang, hạt Deschutes đã nhận thấy rằng bang Oregon vô tình đã khuyến khích các hạt sử dụng các nguồn trợ cấp của bang. Tại Oregon, các hạt không mất đồng nào khi sử dụng các cơ sở của bang, bởi vậy các hạt có thể thoải mái lựa chọn việc dồn những tội phạm vị thành niên có vấn đề nhưng không nguy hiểm lắm vào các khu cải tạo của bang. Không mấy ngạc nhiên khi đang và sẽ luôn có sức ép mở rộng các cơ sở của bang để giam giữ tội phạm vị thành niên của các hạt. Cho đến lúc trên bề nổi điều đó vẫn có lợi cho chính quyền hạt thì nó chỉ khuyến khích sự phổ biến của các nhà giam và tăng sự tốn kém, do đó tác động xấu đến những hoạt động quan trọng khác của nhà nước như giáo dục chẳng hạn.

Hạt Deschutes và Tổ chức thanh niên bang Oregon cố gắng thay đổi xu hướng này. Hạt đã đề nghị thành lập cơ sở để quản lý những tội phạm vị thành niên ít nguy hiểm mà trước đó có thể bị giam giữ ở các cơ sở của bang. Các chương trình địa phương được trợ cấp từ các quỹ với thỏa thuận là mọi khoản tích lũy đều được tái đầu tư vào các chương trình chiến

lược phòng tội phạm. Và các khoản tích lũy đó có thể rất đáng kể, lên đến hàng trăm ngàn đô-la một năm. Ủy ban Trẻ em và Gia đình do một số công dân lập nên quản lý số tiền đó. Những công dân này đưa lại viễn tưởng công việc chắc chắn cho chương trình và phân biệt rõ ràng giữa các khoản chi phí và đầu tư. Cách làm mới này được cơ quan lập pháp bang và Thống đốc bang John A. Kitzhaber ủng hộ.

Nếu chương trình này hoạt động tốt và được nhân rộng ra các hạt khác thì bang Oregon sẽ lợi cả đôi đường. Cuối cùng, sự lan truyền của nhà tù có thể bị chặn lại, và nguồn đô-la dành cho các hoạt động tốn kém của nhà tù sẽ được đổ vào những chương trình chiến lược phòng ngừa tội phạm.

Trên đây chỉ là một số ví dụ về những nỗ lực được bỏ ra sau khi sáng kiến tư pháp cộng đồng được khởi xướng. Với số lượng công dân và nạn nhân ngày càng đông đảo hơn, sẽ có

nguồn năng lượng sáng tạo không bao giờ cạn để chuyển hệ thống tư pháp hình sự thành hệ thống tư pháp cộng đồng.

Trước hết, tư pháp cộng đồng đáp ứng được những nhu cầu của nạn nhân, đưa ra các giải pháp kiểm soát các tội phạm không có xu hướng bạo lực, chú trọng tới phòng ngừa tội phạm như một khía cạnh quan trọng trong hoạt động hàng ngày của hệ thống tư pháp hình sự. Trung tâm trong triết lý này là sự tham gia rộng rãi của dân chúng vào mọi khía cạnh hoạt động của hệ thống tư pháp. Sự tham gia đó sẽ tăng cường thái độ trách nhiệm của các chuyên gia tư pháp chuyên nghiệp. Với ý nghĩa mới này về sở hữu và trách nhiệm, dân chúng sẽ mang đến nguồn sinh lực và các nguồn khác mà phương pháp thuế khóa không mang lại được. Với triết lý mới và được dân chúng hưởng ứng, tương lai sẽ tươi sáng hơn và an toàn hơn đối với những nơi nào theo đuổi tư pháp cộng đồng.

*Toàn văn bằng tiếng Anh:* <http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0701/ijde/maloney.htm>

## *Nghị quyết số 96 - 122*

Cho rằng các công dân hạt Deschutes có quyền được hưởng độ an toàn tuyệt đối;

Xét thấy rằng, sự tăng cường mật độ tội phạm vì thành niên và tội phạm người lớn đe dọa sự an toàn của công dân;

Nhận thức được rằng, chiến lược đấu tranh chống tội phạm đòi hỏi sự quan tâm đồng đều từ việc phòng ngừa tội phạm, đến can thiệp kịp thời và sự cải tạo có hiệu quả;

Cho rằng Tư pháp cộng đồng bao hàm quan điểm cho phép cộng đồng hoạch định và thực hiện mọi chiến lược phòng ngừa và chống tội phạm.

Bởi vậy, Hội đồng dân cử hạt Deschutes chấp thuận tư pháp cộng đồng như sứ mệnh và mục đích của các hoạt động cải tạo tội phạm ở

hạt. Ngoài ra, hạt thành lập nên Ban tư pháp cộng đồng thay cho Ban cải tạo của cộng đồng.

Quyết định rằng Ban tư pháp cộng đồng phải hợp tác làm việc với mọi công dân để đảm bảo có hiệu quả sự phòng ngừa, kiểm soát và chống tội phạm.

Quyết định rằng hạt phải thành lập Trung tâm tư pháp cộng đồng để hỗ trợ và đưa ra các chương trình phục hồi nạn nhân; để kiểm soát tội phạm, cho họ có các cơ hội trở thành những công dân có trách nhiệm và có ích cho xã hội; để cộng đồng có thể tiếp cận với một đầu mối tổ chức huy động tập trung các nỗ lực chống tội phạm.

Hội đồng dân cử hạt Deschutes thông qua ngày 25/09/ 1996.

*Toàn văn bằng tiếng Anh:* <http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0701/ijde/maloneysdb.htm>

## NHỮNG CHÀNG TRAI SCOTTSBORO VÀ CÁC QUYỀN CƠ BẢN

*David Pitts*

*Năm nay là năm kỷ niệm lần thứ 70 một phiên tòa đã thu hút sự quan tâm của đất nước trong gần hai thập kỷ. Trường hợp những chàng trai Scottsboro ở bang Alabama đã trở thành nguyên nhân, một tiền đề cho phong trào về quyền công dân và dẫn đến hai thay đổi lớn trong những quy định của tòa án tối cao Hoa Kỳ và tăng cường những quyền cơ bản cho mọi công dân Hoa Kỳ. Trường hợp này cũng là một lời cảnh tỉnh rằng những quyền cơ bản được ghi nhận trong hiến pháp trên thực tế rất hiếm khi được thực hiện ngay lập tức mà thường chỉ được thực hiện từ sau khi đã rút ra những bài học thời gian trong hoạt động xét xử.*

*Câu chuyện sau đây của David Pitts đã đề cập tới tầm quan trọng của những quy định của tòa án tối cao. Ông đã đến Scottsboro để trò chuyện với ngài thị trưởng của thành phố và tìm hiểu những thay đổi của thành phố này kể từ phiên tòa đầu tiên vào năm 1931.*

Tháng 3 năm 1931, chín chàng trai da đen tuổi từ 13 đến 21 đi trên một chiếc xe mui trần chở hàng qua vùng ngoại ô Alabama đã bị tống giam và xét xử – sau khi bị buộc tội đã cưỡng hiếp hai phụ nữ da trắng là Ruby Bates và Victoria Price đi cùng chuyến xe đó. Nơi xảy ra là Scottsboro, một thị trấn nhỏ được biết đến như là tên của một trong những vụ án về quyền công dân nổi tiếng nhất trong lịch sử nước Mỹ – một câu chuyện về sự phân biệt chủng tộc, sự đập khuôn và sự cấm kỵ về tình dục- những thứ là trọng tâm của Miền Nam đang bị cô lập hoàn toàn lúc bấy giờ. Tám trong số chín chàng trai đó đã bị kết án một cách vội vàng và bị tử hình. Roy Wright, 13 tuổi, đã thoát khỏi hình phạt này vào phút cuối cùng.

Trụ sở của tòa án nơi diễn ra phiên tòa đầu tiên vẫn nằm ở trung tâm thành phố, nhưng một người dân ở đó đã cho khách du lịch biết rằng những phiên tòa sau này đã được rời tới một nơi khác ở Alabama. Hầu hết những người được hỏi chỉ còn nhớ lơ mơ về những gì diễn ra ở nơi này bảy thập kỷ về trước. Một cụ già cho biết: "Khi phiên tòa diễn ra tôi còn là một cậu bé. Tôi chỉ nhớ lơ mơ rằng bố mẹ tôi có nhắc đến chuyện đó. Chỉ sau đó tôi mới nhận ra rằng một sự việc quan trọng đã xảy ra ngay trong thị trấn. Nhưng mãi đến khi quyền công dân trở thành một quyền vô cùng quan trọng thì tôi mới nhận ra điều này".

## Tầm quan trọng của vụ án

Câu chuyện về những chàng trai Scottsboro không chỉ quan trọng trong lịch sử quyền công dân mà còn rất quan trọng đối với quá trình phát triển trong các quy định của hiến pháp bởi vì chính vụ án này đã dẫn đến sự sáng tỏ về sự đảm bảo của điều khoản bổ sung thứ 14 về "sự bảo hộ công bằng của luật pháp" và "sự phát triển của pháp luật". Vụ án này cũng mở rộng quy mô việc đảm bảo của điều khoản bổ sung thứ 6 về quyền của bị cáo "có sự giúp đỡ của luật sư". Nói một cách cụ thể vụ án này vào phút chót cũng đảm bảo được một điều rằng mọi người Mỹ trong các phiên tòa hình sự đều có luật sư bào chữa, cho dù ở các bang hay liên bang, và đạt được yêu cầu là trong bồi thẩm đoàn không có sự phân biệt về chủng tộc hay dân tộc.

Điều khoản bổ sung thứ 6 trong hiến pháp Mỹ bao gồm những quyền khác nhau nhằm đảm bảo cho các bị cáo được xét xử công bằng. Quyền này được thực hiện thông qua luật sư đại diện. Nhưng trong suốt thời kỳ của nền cộng hòa, quyền bào chữa chỉ được áp dụng đối với những người có thể trả phí cho phiên tòa và tội của họ phải nằm trong những vụ phạm tội trong quyền hạn xét xử của liên bang. Điều này đã thay đổi đối với những chàng trai Scottsboro, những người đã bị buộc tội hiếp dâm, đây không phải luật của liên bang và họ cũng rất nghèo, họ không thể thuê luật sư để bào chữa cho mình. Cuối cùng thì họ cũng có hai luật sư nhưng hai luật sư thì hoàn toàn không đủ. Một người là đại diện



Trụ sở tòa án Scottsboro ngày nay

cho hãng bất động sản Tennessee, ông ta luôn luôn uống rượu trong suốt quá trình diễn ra phiên tòa. Người kia là luật sư của địa phương và chưa từng tham gia một vụ án nào trong hàng chục năm.

### Mốc quyết định đầu tiên của Tòa án Tối cao.

Trong vụ án Scottsboro, mốc quyết định đầu tiên được gọi là *Powell v. Alabama* (1932) sau khi một trong chín bị cáo được Tòa án Tối cao

Hoa Kỳ tuyên bố rằng những bị cáo nghèo bị tuyên án tử hình phải có luật sư biện hộ. Tòa án đưa ra những quyết định của mình dựa trên điều khoản về tố tụng trong Điều khoản sửa đổi thứ 14 trong Hiến pháp Hoa Kỳ. Để có thể thay đổi được án tử hình, đa số tòa án đã nhận thấy rằng các chàng trai Scottsboro thiếu luật sư biện hộ cho mình. Tòa án đã quyết định rằng bào chữa là nền tảng cho quá trình tố tụng trong vụ án nghiêm trọng này, cho dù là ở tòa án bang hay tòa án liên bang.

Donald Lively viết trong cuốn sách mang tên "*Những mốc quyết định của tòa án tối cao*" rằng "Để thay đổi việc kết án này, tòa tối cao quyết định rằng sự phức tạp của phiên tòa hình sự cần đến một luật sư đại diện". Cho dù trong mốc quyết định *Powell v. Alabama* chỉ có quyết định rất hạn chế, nó chỉ áp dụng cho các trường hợp tử hình, nhưng các chuyên gia về hiến pháp cho rằng nó có ảnh hưởng mạnh tới luật pháp Hoa Kỳ vì đây là lần đầu tiên quyền được bào chữa được đưa ra trong những phiên tòa của bang cũng như của liên bang.

Thêm vào đó, theo như từ điển luật hiến pháp Hoa Kỳ giải thích "nó có liên quan chặt chẽ với điều bổ sung thứ 6 của Hiến pháp điều khoản về luật sư bào chữa và theo quy định của điều bổ sung thứ 14 nó phải được thực hiện ở các vụ án nghiêm trọng ở cấp bang"

Tầm quan trọng của quyết định này cũng được Maureen Harrison và Steve Gibert nhấn mạnh trong cuốn sách của mình với nhan đề "Những quyết định quan trọng của Tòa án Tối

cao Hoa Kỳ". Họ viết "hiến pháp và luật của mỗi bang và quốc gia có ảnh hưởng mạnh đối với sự bảo vệ lâu dài và theo đúng thủ tục được đưa ra để đảm bảo cho sự công bằng của các phiên tòa trong đó mọi bị can đều công bằng trước pháp luật".

## Mốc quyết định thứ hai của Tòa án Tối cao

Tuy nhiên bang Alabama đã không chịu bỏ cuộc và tiếp tục xét xử vụ án Scottsboro cho dù các bác sĩ giám định cho hai người phụ nữ đã kết luận rằng họ không bị hãm hiếp và thậm chí cô Ruby Bates đã rút lại những lời khai của mình một tháng trước khi phiên tòa mới bắt đầu. Hai bị cáo Heywood Patterson và Clarence Norris vẫn bị kết án tử hình. Mốc quyết định thứ hai của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ là *Norris v. Alabama* (1935) một lần nữa chống lại án tử hình vì thời gian này bang Alabama vẫn cấm những người Mỹ gốc Phi tham gia vào bồi thẩm đoàn. Quyết định này đã chỉ ra "sự loại trừ hoàn toàn" những người da đen ra khỏi bồi thẩm đoàn và cũng như một số người khẳng định rằng việc người da đen không được đối xử công bằng chính là "cơ sở cho tội ác".

Nhận xét tầm quan trọng của quy định Norris, cuốn sách *Những hướng dẫn của Oxford đối với những quyết định của Tòa án Tối cao* cho rằng sự loại bỏ có hệ thống đối với những người Mỹ gốc Phi trong các bồi thẩm đoàn quan trọng và bồi thẩm đoàn ở các phiên tòa đã phủ định sự công bằng trước pháp luật của



Bốn trong chín chàng trai Scottsboro và Samuel Leibowitz, một trong các luật sư tại phiên tòa. Từ trái sang: Willie Robertson, Eugene Williams, Leibowitz, Roy Wright và Olen Montgomery

những bị cáo người Mỹ gốc Phi được đảm bảo trong Điều khoản sửa đổi thứ 14. James Goodman đã viết trong cuốn sách "*Những chàng trai Scottsboro*" của mình rằng thực tế thì họ đã bị bồi thẩm đoàn "công minh" từ chối một phiên tòa công bằng. Theo ý kiến của công chúng thì Tòa án Tối cao đã đồng ý với ý kiến cho rằng những người da đen đã bị loại bỏ một cách có hệ thống và độc đoán ra khỏi danh sách bồi thẩm đoàn của bang Alabama và nó đi ngược với những bảo đảm trong Điều bổ sung thứ 14.

Bất chấp hai quyết định của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ phản đối việc tiếp tục truy tố vụ án này bang Alabama vẫn tiếp tục kiên trì mở thêm hai phiên tòa nữa. Và cuối cùng thì năm trong số chín chàng trai này đã bị kết án và bị tù nhiều năm. Người cuối cùng được ra tù vào năm 1950. Bốn người còn lại cũng được trả tự do. Mặc dù Tòa án Tối cao Hoa Kỳ không cứu

năm trong số các chàng trai Scottsboro thoát khỏi tù tội, nhưng cơ quan này đảm bảo rằng họ không phải chịu án tử hình. Căn cứ theo hiến pháp, tầm quan trọng của vụ án là ở chỗ Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã tận tụy theo đuổi quyền được có luật sư bào chữa, ít nhất là trong các vụ án tử hình. Cơ quan này cũng lưu ý rằng việc loại trừ công dân ra khỏi bồi thẩm đoàn vì lý do chủng tộc sẽ không được chấp nhận. Mốc quyết định *Norris v. Alabama* cuối cùng được ra năm 1935- chứ không phải ngay thời đó - đã dẫn đến việc bãi bỏ mô hình tất cả thành viên của bồi thẩm đoàn là người da trắng tại khắp miền nam.

### Các quyết định của tòa án sau đó

Liên quan đến mốc quyết định *Powell v. Alabama*, các quyết định cuối cùng của Tòa án Tối cao đã củng cố quyền bảo đảm có luật sư bào chữa. Trong cuốn *Johnson v. Zerbst* (1936), Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã tuyên bố rằng tất cả các bị đơn phải đối mặt với những lời buộc tội tại tòa án liên bang đều được tòa chỉ định luật sư bào chữa. Trước đó (từ năm 1790), chỉ những người bị kết án tử hình tại một tòa án liên bang mới được tòa chỉ định luật sư bào chữa. Trong những năm 40 của thế kỷ 20, Tòa án đã mở rộng quyền này cho các bị can phạm trọng tội ở cấp bang bị buộc những tội ít nghiêm trọng hơn ở tòa án cấp bang so với các chàng trai Scottsboro. Nhiều tòa án tối cao cấp bang cũng yêu cầu chỉ định luật sư, đặc biệt cho các vụ trọng án hình sự.

Tuy nhiên, đến cuối năm 1963, vẫn còn bảy

bang không yêu cầu chỉ định luật sư cho bị cáo trong các vụ trọng án ở cấp bang. Tòa án tối cao Hoa Kỳ đã yêu cầu toàn bộ quốc gia tuân thủ theo quyết định đưa ra trong mốc quyết định *Gideon v. Wainwright* (1963), theo đó áp dụng Điều luật bổ sung thứ 6 về quyền được có luật sư bào chữa ở tất cả các bang, cũng như trong các vụ trọng án của tòa án liên bang. "Quyền tham khảo ý kiến luật sư của bị cáo có thể không phải là chính yếu và quan trọng cho phiên xét xử công bằng ở một số nước khác", thẩm phán Hugo Black nói, "nhưng lại là quan trọng đối với chúng tôi"

Quyết định này là cực điểm của một trong những vụ án gây ấn tượng nhất trong luật hiến pháp Hoa Kỳ, và được ghi chép đầy đủ trong cuốn sách *Tiếng kêu của Gideon* năm 1964. Lee Epstein và Thomas Walker đã phát biểu trong cuốn sách nổi tiếng của hai ông là "*Luật hiến pháp vì đất nước Hoa Kỳ đang thay đổi*" rằng "Gideon là một quyết định vô cùng quan trọng". Nó đã mang đến "sự đại diện hợp pháp cho những bị cáo trước đây chưa từng có

luật sư biện hộ cho mình".

Những quyết định sau đó của Tòa án Tối cao được đưa ra vào cuối những năm 60 và đặc biệt vào đầu những năm 70 đã mở rộng quyền được có luật sư biện hộ vào năm 1963. Vào năm 1972 tòa án đã tuyên bố rằng quyền có luật sư không chỉ áp dụng cho các bị cáo ở các bang và liên bang phạm tội nghiêm trọng mà còn áp dụng trong tất cả các phiên tòa mà các bị cáo có thể bị tù giam. Hoa Kỳ đã trải qua một chặng đường dài kể từ vụ án 9 chàng trai Mỹ gốc Phi trẻ tuổi, hoảng hốt trong phòng xử án bắn thủ và nóng bức vào mùa xuân năm 1931 trong một phiên tòa liên quan đến tính mạng của họ.

Tuy nhiên trong vụ án của những chàng trai Scottsboro với sự can thiệp của Tòa tối cao Hoa Kỳ đã khởi đầu cho một loạt những quyết định quan trọng nhằm thúc đẩy những quyền cơ bản cho mọi người Mỹ và đảm bảo rằng vấn đề phân biệt chủng tộc đặc biệt này sẽ trở thành một dấu ấn không chỉ trong lịch sử

Toàn văn bằng tiếng Anh: <http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0701/ijde/pitts.htm>

## *Thực tế của vụ án và thị trấn Scottsboro ngày nay*

Vào ngày 31/3/1931, chín chàng trai người Mỹ gốc Phi đã bị truy tố ở Scottsboro, bang Alabama vì tội hãm hiếp hai cô gái da trắng trên một chiếc xe chở hàng. Các bác sĩ khám nghiệm đã kết luận rằng không hề có việc hãm hiếp. Tuy nhiên 8 chàng trai vẫn bị tòa án bang kết án tử hình. Tòa án tối cao Hoa Kỳ trong hai quyết định *Powell v. Alabama* (1932) và *Norris v. Alabama* (1935) đã đưa ra quyết định trái ngược lại với những lời buộc tội và án tử hình trên. Thứ nhất đó là vì các bị cáo này không có luật sư bào chữa và thứ hai là những người da đen không được phép tham gia vào bồi thẩm đoàn.

Tuy nhiên việc tiếp tục truy tố vụ án này ở Alabama còn kéo dài đến giữa năm 1935 và 1937. Bốn trong số các bị cáo lại bị kết tội và bị kết án tù giam. Những lời buộc tội chống lại 5 người còn lại bị bãi bỏ. Andy Wright là người cuối cùng được trả tự do vào năm 1950, sau 19 năm, hai tháng và 15 ngày trong tù. Người được coi là người đứng đầu nhóm, Heywood Patterson trốn khỏi nhà tù vào năm 1948, đi tới bang Michigan ở phía Trung Tây nơi mà không có sự phân biệt đối xử nào trong luật pháp. Thống đốc bang Michigan đã từ chối dẫn độ anh ta trở lại Alabama. Cuốn sách *Những chàng trai Scottsboro* của Peterson

được xuất bản khi anh đang trong thời gian lánh nạn. Anh chết vì bệnh ung thư vào năm 1952 khi mới 39 tuổi.

Ozzie Powell và Clarence Norris, hai người có tên trong hai mốc quyết định của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đều được trả tự do vào năm 1946. Ba mươi năm sau, Norris đã chấp nhận lời xin lỗi vô điều kiện của Thống đốc bang Alabama thời đó là George C. Wallace. Wallace trước đó đã ưu tiên cho những luật về phân biệt đối xử, nhưng mãi đến những năm 1979 thì những luật này mới được ban hành ở bang Alabama và thống đốc bang vẫn tiếp tục sửa đổi bổ sung thêm. Năm 1979, Norris xuất bản cuốn sách nói về những thử thách của mình nhan đề "*Người cuối cùng trong những chàng trai Scottsboro*". Anh chết năm 1989, anh là người cuối cùng trong số các chàng trai Scottsboro.

Những chàng trai Scottsboro được đồng đảo những nhóm người khác nhau trong xã hội ủng hộ trong những năm 30 trong đó có cả Đảng Cộng sản Mỹ và Hội quốc gia vì sự phát triển của những người da màu, một tổ chức về quyền công dân lâu đời nhất tại Mỹ. Nhưng thật sự thì các bị can này được trả tự do là nhờ Ủy ban biện hộ Scottsboro, một nhóm người hoạt động dưới sự bảo hộ của Những người

Mỹ với mọi màu da. Những cuộc biểu tình được tổ chức để ủng hộ những chàng trai Scottsboro được những nhà viết sử xem như một tiên đề quan trọng cho phong trào về quyền dân sự của Hoa Kỳ bắt đầu vào những năm 50. Những quyết định của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ được đưa ra là kết quả của vụ án được coi là mốc quyết định góp phần quan trọng trong việc mở rộng những quyền cơ bản cho những người Mỹ gốc Phi và thực tế là cho mọi người Mỹ.

Đến thị trấn Scottsboro hôm nay - 7 thập kỷ sau - chẳng có dấu vết nào về sự truy tố cứng nhắc dường như là bất khả xâm phạm trong những năm 1930. Ngài thị trưởng thành phố Ron Balley muốn khách thăm quan hiểu rằng thị trấn Scottsboro - một cộng đồng chỉ có 1.500 người - ngày nay rất khác biệt so với nó ngày trước. Ông nói "Thị trấn của chúng tôi bây giờ là một thị trấn hội nhập hoàn toàn, hầu hết người dân trong thị trấn đều sinh ra sau khi phiên tòa đầu tiên xảy ra". Ông cũng nói thêm rằng "Các bạn nên đánh giá sự kiện của năm 1931 trong ngữ cảnh của những tập

tục thời đó. Trong năm 1931 vẫn có những người sống trong thị trấn còn nhớ cuộc nội chiến. Về mặt kinh tế, bang Alabama hồi phục rất chậm sau chiến tranh so với những thành phố và thị trấn khác ở Miền Nam. Ông Balley cho rằng: "Việc nhớ lại những gì xảy ra ở thị trấn vào năm 1931 là rất quan trọng, nhưng thời đó thì việc này có thể xảy ra ở rất nhiều nơi khác. Thị trấn Scottsboro đã thay đổi từ đó và nhiều nơi khác ở Miền Nam cũng đã thay đổi. Thị trấn Scottsboro ngày nay đã phát triển nhiều về phân biệt chủng tộc. Chúng tôi ngày càng có nhiều những cặp tình nhân hay những cặp vợ chồng hai màu da ở khắp nơi của bang Alabama. Và ngày nay thị trấn của chúng tôi không chỉ có người da trắng và người da đen mà là một thị trấn đa sắc tộc. Chúng tôi ngày càng có thêm nhiều người gốc á và người gốc Tây Ban Nha. Mối quan hệ về chủng tộc trong thị trấn Scottsboro giờ đây cũng giống như ở những nơi khác của nước Mỹ. Mọi thứ ở đây không phải là hoàn hảo nhưng chúng tôi đã có những bước phát triển.

*Toàn văn bằng tiếng Anh:* <http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0701/ijde/pittssdb.htm>

SÁCH VÀ TƯ LIỆU THAM KHẢO

**Barnes, Patricia G.**

*CQ'S Desk Reference on American Criminal Justice: Over 500 Answers to Frequently Asked Questions from Law Enforcement to Corrections.* University of Chicago Press, April 2000.

Features answers to over 500 frequently asked questions about the U.S. legal system. Reference materials include significant laws and court decisions, and a glossary of common legal terms.

**Boyer, Peter J.**

"*The Whistleblower Protection Act of 1989: Foundation for the Modern Law of Employment Dissent*," New Yorker, January 17, 2000, pp.42-53.

Makes the case that not all DNA laboratories and technicians are created equal, and emphasizes the primary role played by human advocates in the criminal justice process, even with the presence of scientific data.

**Champion, Dean J.**

*Dictionary of American Criminal Justice: Key Terms and Major Supreme Court Cases.* Chicago: Fitzroy Dearborn, 1998.

An up-to-date dictionary of terms used in the criminal justice field and an annotated alphabetic compilation of important U.S. Supreme Court cases addressing criminal justice make up this volume, which includes a subject index of cases.

**Cowan, Catherine**

"*States Revisit the Death Penalty*," State Government News, vol. 44, no.5, May 2001, pp. 12-17.

Legislators have proposed suspending or abolishing the death penalty in more than 20 states. Cowan details several cases where the system failed, and notes that while according to a public-opinion survey the majority of Americans support capital punishment, they are divided over whether it is administered evenly.

**Crump, David and George Jacobs**

*A Capital Case in America: How Today's Justice System Handles Death Penalty Cases, from Crime Scene to Ultimate Execution of Sentence.* Durham, NC: Carolina Academic Press, 2000.

Describes what happens in a capital case from "the offense and the arrest" to "the aftermath," examining the process from beginning to end and analyzing specific cases.

"DNA Testing and Capital Punishment: Technology from the Crime Scene to the Courtroom," Congressional Digest, November 2001, pp. 257-265.

This issue is devoted to the growing phenomenon of DNA testing and its repercussions for prisoners on death row. Articles focus on technology, the U.S. prison population, state and federal death penalties, and legislative background.

**DeVore, Donald and Kevin Gentilcore**

"*Balanced and Restorative Justice and Educational Programming for Youth At-Risk*," The Clearing House, vol. 73, no. 2, November 1999, p. 96.

Discusses Montgomery County, Pennsylvania's, implementation of the "Balanced and Restorative Justice" (BAR J) educational model for youth at-risk. This model replaces more traditional punishment or treatment methods with emphasis on a balanced triangle of goals: community safety, accountability and competency development.

**Edwards, Todd**

"Sentencing Reform in Southern States: A Review of Truth-in-Sentencing and Three-Strike Measures," Spectrum: The Journal of State Government, September 22, 1999, vol. 72, no.4, p. 8.

Discusses and provides statistical data on the effects of sentencing reform implemented by U.S. states within the Southern Legislative Conference.

**Fagan, Jeffrey & Franklin E. Zimring, eds.**

*The Changing Borders of Juvenile Justice: Transfer of Adolescents to the Criminal Court.* University of Chicago Press, 2000.

Contains a collection of essays that address the policy of trying and punishing American youths as adults, the boundaries of juvenile court, and the developmental and psychological aspects of the current policy.

**Franklin, Carl J.**

*Constitutional Law for the Criminal Justice Professional.* Boca Raton, FL: CRC Press, 1999.

Designed to be both an educational and reference tool for professionals at all levels, this is a study of the most dramatic and significant areas in U.S. constitutional law. Focuses on topics such as search and seizure, arrest and civil rights, due process and the judicial system.

**Friedman, Lawrence**

*Crime & Punishment in American History.* New York: Basic Books, 1993.

Written by an eminent Stanford University Law School professor, this panoramic history of the American criminal justice system looks at crime and punishment in America, from the Salem witchcraft trials in the 17th century to the trials of four Los Angeles police officers in the Rodney King beating case in the early 1990s.

**Henderson, Harry**

*Capital Punishment.* New York: Facts on File, 2000.

An encyclopedic collection of information on capital punishment, covering many of the debates from several perspectives.

**Kadish, Sanford H., ed.**

*Encyclopedia of Crime and Justice.* New York: Free Press, 1983.

One of the most significant criminal justice encyclopedias today, this volume contains articles with accompanying bibliographies that provide information on concepts, theories, principles and research related to criminal behavior and criminal justice legal issues.

**Kurki, Leena**

"Restorative and Community Justice in the United States" *Crime & Justice*, vol. 27, Spring 2000, pp. 235-304.

Distinguishes between "restorative justice," which promotes healing and the rebuilding of relations among victims, offenders and their communities; and "community justice," which views crime as a social problem requiring the involvement of criminal justice agencies. Provides background for each movement and evaluates the success of respective projects.

**Leighton, Paul**

*Criminal Justice Ethics.* Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall, 2001.

A collection of essays that examines how personal and moral beliefs influence the relationship between criminal justice and social justice. Included topics are "what should be a crime?" lawyers' ethics, treatment of inmates, the death penalty and the moral foundations of criminal guilt.

**Lewis, Anthony**

*Gideon's Trumpet.* New York: Vintage Books, 1989.

A history of the 1963 landmark U.S. Supreme Court case (*Gideon v. Wainwright*) follows James Earl Gideon's fight for the right to legal counsel in criminal proceedings. Includes notes, table of cases leading up to the final verdict and an index.

**Manfredi, Christopher P.**

*The Supreme Court and Juvenile Justice.* University Press of Kansas, 1998.

Account of the U.S. Supreme Court's role in shaping the history of American juvenile courts.

**Palmer, Louis J., Jr.**

*Encyclopedia of Capital Punishment in the United States.* Jefferson, NC: McFarland, 2001.

Comprehensive source of information on the legal, social and political history, and the present status of capital punishment in the U.S.

**Paternoster, Raymond, Robert Brame, Ronet Bachman and Lawrence W. Sherman**

"Do Fair Procedures Matter?" *Law and Society Review*, vol. 31, 1997, pp.163-204.

Results from the Milwaukee, Wisconsin, Domestic Violence Experiment show that when police acted in a procedurally fair manner in the arrest of assault suspects, the rate of subsequent domestic violence was significantly lower than when they did not.

**Ryan, George and Frank Keating**

"Is the Death Penalty Fair?" State Government News, vol. 44, no. 5, May 2001, pp. 10-11.

The governor of Illinois (Ryan) tells how wrongful convictions made him reassess the death penalty, while the governor of Oklahoma (Keating) maintains it can be fairly administered.

**Schmallegger, Frank**

*Criminal Justice: A Brief Introduction*. 4th ed. Saddle River, NJ: Prentice Hall, 2000.

*Criminal Justice Today: An Introductory Text for the 21st Century*. 6th ed. Saddle River, NJ: Prentice Hall, 2000.

Schmallegger's two textbooks above, look at the U.S. criminal justice system, and present overviews and analyses of crime, criminal law, policing, adjudication and corrections, as well as focus on juvenile justice, drugs and the future of criminal justice in the United States.

**Sherwin, Richard K.**

*When Law Goes Pop: The Vanishing Line between Law and Popular Culture*. University of Chicago Press, 2000.

A legal theorist's and former prosecutor's appraisal of the impact of popular culture on the criminal justice system in the United States.

**Sudo, Phil**

"Five 'little' people who changed U.S. history; Supreme Court cases: *Dred Scott v. Sandford*, 1857; *Brown v. Board of Education*, 1954; *Gideon v. Wainwright*, 1963; *Miranda v. Arizona*, 1966; *Roe v. Wade*, 1973," *Scholastic Update*, vol. 122, no. 10, January 26, 1990, p. 8.

Profiles five U.S. Supreme Court cases in which ordinary people profoundly influenced the course of justice in the United States.

**Tyler, Tom R.**

"Social Justice: Outcome and Procedure," *International Journal of Psychology*, vol. 35, 2000, pp. 117-125.

Recent psychological research on social justice seems to indicate that people are more willing to accept procedural justice judgments when they feel that those judgments are made through decision-making procedures they view as fair. "Fairness" is evaluated by such criteria as neutrality and trustworthiness of authorities, and the degree to which authorities treat subjects with dignity and respect during the process.

**Tyler, Tom R., et al**

*Social Justice in a Diverse Society*. Boulder, CO: Westview, 1997.

Analysis of the existence of cross-cultural conceptions of justice, concluding with an optimistic picture of the possibility of the realization of justice within a multicultural society.

**Umbreit, Mark S.**

"Restorative Justice Through Victim-Offender Mediation: A Multi-Site Assessment," *Western Criminology Review* vol.1, no.1. 1998.

Report on studies in restorative justice, which concentrate on processes and results of several victim-offender mediation situations.

## NGUỒN TÀI LIỆU TRÊN INTERNET

### **Criminal Justice Links**

A comprehensive array of resources, including organizations, cases, reports and much more.

<http://www.criminology.fsu.edu/cj.html>

### **Criminal Justice on the Web**

The University at Albany's School of Criminal Justice in New York, sites links to many valuable information sources covering national and state laws, restorative justice, police and correctional institutions.

<http://www.albany.edu/scj/links.html>

*Criminal Justice*, 2000, Volumes 1-4

The National Institute of Justice commissioned more than 60 criminal justice professionals to reflect on criminal justice research accomplishments, and analyze current and emerging trends in crime and criminal justice practice in the United States. The website contains the full-text articles.

<http://www.ojp.usdoj.gov/nij/pubs-sum/cj2000.htm>

### **Journal of Criminal Justice and Popular Culture**

Published by the School of Criminal Justice, University at Albany (NY), this journal provides access to full-text articles, essays and reviews.

<http://www.albany.edu/scj/jcpc/index.html>

### **Federal Bureau of Investigation (FBI)**

Provides access to the FBI's Uniform Crime Reports, congressional testimony, "most wanted" posters and crime alerts, as well as an "FBI for Kids" feature, among many other items.

<http://www.fbi.gov/>

### **National Criminal Justice Reference Service (NCJRS)**

NCJRS is a U.S. federally sponsored information clearing-house for people around the world involved with research, policy and practice related to criminal and juvenile justice and drug control.

<http://www.ncjrs.org/>

### **National Institute of Justice (NIJ): SEARCH**

NIJ is the research and development agency of the U.S. Department of Justice and is the only federal agency solely dedicated to researching crime control and justice issues. NIJ provides objective, independent, nonpartisan, evidence-based knowledge and tools to meet the challenges of crime and justice, particularly at the state and local levels.

<http://www.ojp.usdoj.gov/nij/search.htm>

### **Office of Justice Programs (OJP)**

Since 1984 the U.S. Office of Justice Programs has provided federal leadership in developing the nation's capacity to prevent and control crime, improve the criminal and juvenile justice systems, increase knowledge about crime and related issues, and assist crime victims.

<http://www.ojp.usdoj.gov/>

### **Public Agenda Online**

Indepth survey and analysis of American attitudes toward crime, punishment, the death penalty and other issues from Public Agenda, a nonpartisan, nonprofit public opinion research and citizen education organization founded in 1975.

[http://www.publicagenda.org/issues/major\\_proposals\\_detail.cfm?issue\\_type=crime&list=1](http://www.publicagenda.org/issues/major_proposals_detail.cfm?issue_type=crime&list=1)

### **Sourcebook of Criminal Justice Statistics Online**

Continually updated compilation of data on the U.S. criminal justice system, public opinion polls, and offender and situation profiles.

<http://www.albany.edu/sourcebook/>

### **United States Supreme Court**

Learn about the Court, and look at the lives of present and past justices, as well as read their arguments and opinions on Supreme Court cases.

<http://www.supremecourtus.gov/>



**Trung tâm Hoa Kỳ**

Phòng Thông tin-Văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kỳ

Tầng 1, Rose Garden Tower, 170 Ngọc Khánh, Hà Nội  
Tel: (04) 3850-5000; Fax: (04) 3850-5048; Email: HanoiAC@state.gov  
<http://vietnam.usembassy.gov>